

Số 2184/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 17 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục và kế hoạch
đấu thầu thuốc chữa bệnh năm 2011

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BYT-BTC ngày 10/8/2007 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2007/TTLT-BYT-BTC-BTM ngày 31/8/2007 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc dùng cho người;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 131 /TT-SYT ngày 13/9/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và kế hoạch đấu thầu thuốc chữa bệnh năm 2010, gồm những nội dung sau:

1. Danh mục thuốc:

a. Thuốc tân dược:

- Danh mục biệt dược: 54 mặt hàng (có danh mục kèm theo);
- Danh mục thuốc kháng sinh – dịch truyền: 327 mặt hàng (có danh mục kèm theo);
- Danh mục thuốc thường: 719 mặt hàng (có danh mục kèm theo);

b. Danh mục thành phẩm Đông y: 154 mặt hàng (có danh mục kèm theo);

c. Danh mục vắc xin, sinh phẩm y tế: 42 mặt hàng (có danh mục kèm theo);

2. Kế hoạch đấu thầu:

Tên gói thầu:

- Gói thầu 1: Cung cấp thuốc tân dược năm 2011, với 1100 mặt hàng
- Gói thầu 2: Cung cấp thuốc thành phẩm Đông y năm 2011, với 154 mặt hàng
- Gói thầu 3: Cung cấp vắc xin, sinh phẩm y tế năm 2011, với 42 mặt hàng
- Giá gói thầu: giao Sở Y tế thành lập Tổ thẩm định giá thuốc chữa bệnh phục vụ đấu thầu theo đúng quy định về quản lý nhà nước về giá thuốc quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2007/TTLT-BYT-BTC-BCT ngày 31/8/2007 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc dùng cho người. Trên cơ sở giá thẩm định được phê duyệt làm cơ sở để xác định giá gói thầu phục vụ đấu thầu năm 2011.
- Nguồn vốn: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn khám bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi, nguồn thu viện phí, nguồn thu bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu:
 - + Hình thức lựa chọn nhà thầu: đấu thầu rộng rãi trong nước;
 - + Phương thức đấu thầu: 01 túi hồ sơ cho một gói thầu.
- Thời gian lựa chọn nhà thầu: hoàn thành trước ngày 15/12/2010.
- Hình thức hợp đồng: hợp đồng mua sắm hàng hóa.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2011

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng với quy định hiện hành của Nhà nước về đấu thầu.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, Phòng VX;
- Lưu: VT.



Giang Văn Khoa

DANH MỤC THUỐC MỜI THẦU NĂM 2011

Phân biệt được

(kèm theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên thuốc -nồng độ ,hàm lượng	Tên biệt dược	Hãng Nước Sx	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Acarbose 50 mg	Glucobay	Pháp	Viên	7,200	
2	Acarbose 100 mg	Glucobay	Pháp	Viên	6,600	
3	Amiodaron 150mg/ 3 ml	Cordaron	Pháp	Ống	1,300	
4	Amoxicillin+ clavulanic acid 1 g	Augmentin	Châu Âu	Ống	3,500	
5	Bupivacain 0,5% 4ml	Marcaïn heavy	Âu Mỹ	Ong	3,120	
6	Cefaclor 125mg	Bocefac	Hàn quốc	Gói	43,000	
7	Cefaclor 375mg	Orafalore	Hàn quốc	Viên	25,000	
8	Cefotaxim 1g	Tazif	Tây Ban Nha	Lọ	37,400	
9	Cefotaxim 1g	Jekuktaxim	Hàn quốc	Lọ	12,000	
10	Cefotaxim 1g	Taximmed	Châu Âu	Lọ	12,000	
11	Ceftazidime 1g	Prizidime	Hàn Quốc	Lọ	7,000	
12	Ceftazidime 1g	Klocedim	Hàn Quốc	Lọ	5,000	
13	Ceftriaxone 1g	Axxon	Hàn quốc	Lọ	19,500	
14	Ceftriaxone 1g	Cifotin	Châu Âu	Lọ	9,500	
15	Cefuroxim 250mg	Zinnat	Anh	Viên	12,000	
16	Cefuroxim 500 mg	Zinnat	Anh	Viên	9,400	
17	Cefuroxim 250mg	Jefrexomin	Hàn quốc	Viên	12,000	
18	Cefuroxim 500 mg	Zinmax	Việt nam	Viên	94,280	
19	Cefuroxim 125 mg	Zinnat	Anh	Gói	17,100	
20	Cefuroxim 750mg inj	Sencef	Hàn quốc	Lọ	13,000	
21	Cefuroxim 750mg inj	Codzurox	Hàn quốc	Lọ	12,000	
22	Ciprofloxacin chai 100mg/50ml	Ciprobay	Châu Âu	Chai	100	
23	Ciprofloxacin chai 200mg/100ml	Flokinox	Châu Mỹ	Bịch	500	
24	Ciprofloxacin 500mg	Ciprobay	Châu Âu	Viên	3,000	
25	Citicolin 500mg/2ml	Binexcolin	Hàn quốc	Ong	7,200	
26	Glibenclamid 5mg	Daonil	Châu Âu	Viên	5,000	
27	Gliclazide 30mg MR	Diamicron	Pháp	Viên	61,000	
28	Meloxicam 7,5mg	Mepedo	Hàn quốc	Viên	21,000	
29	Gliclazide 80mg	Diamicron	Pháp	Viên	22,000	
30	Glucosamin sulfat 500 mg	Joint-AID	Úc	Viên	28,000	
31	Glucosamin sulfat 250 mg	Huvatecs	Hàn quốc	Viên	74,000	
32	Glucosamin sulfat 250 mg	Glucon	Hàn quốc	Viên	74,000	
33	Erythropoietin α 2000UI	Epotiv	Hàn quốc	Lọ	500	
34	Isoflurane 250ml	Forane	Anh	Chai	300	
35	Ketorolac 30mg/1ml	Edopain	Hàn Quốc	Ống	6,000	
36	Biphenyl diphenyl dicarbxylylate 7,5mg	BDDE	Hàn quốc	Viên	12,000	
37	Losartan 50 mg	Toraass	Pháp	Viên	6,000	
38	Nabumeton 500mg	Relifpen	Hàn quốc	Viên	1,000	
39	Netilmicin 100mg/2ml	Nelticine	Hàn quốc	Ống	12,600	
40	Netilmicin 100mg/2ml	Huaten	Hàn quốc	Ống	9,500	
41	Nifedipin 10mg	Adalat	Đức	Viên	5,100	
42	Omeprazole 40 mg	Losec	Thụy điển	Ong	2,200	
43	Omeprazole 40mg	Lomazole Inj	Ấn độ	Lọ	1,000	

44	Perindopril 4 mg	Coversyl	Pháp	Viên	19,300	
45	Raubasine +almitrine 40 mg	Duxil	Pháp	Viên	4,700	
46	Rosiglitazone maleat 4mg	Avandia	Châu Âu	Viên	3,600	
47	Rosiglitazone maleat 8mg	Avandia	Châu Âu	Viên	1,200	
48	Cefadroxil 500mg	Uricef	Hàn quốc	Viên	19,000	
49	Amoxicillin 500mg+ clavulanic acid 125g	Ofmantin 625mg	Việt nam	Viên	87,496	
50	Amoxicillin 500mg+ clavulanic acid 125g	Duobact 625	Châu Âu	Viên	4,000	
51	Ampicillin 1g + subactam0,5mg	Sunbaci	Ấn độ	lọ	10,700	
52	Cefoperazol 0,5g, Sulbactam 0,5g	Peratam	Hàn quốc	Lọ	500	
53	Paracetamol 150mg	Cenpadol	Việt nam	Viên	12,000	
54	Paracetamol 500mg	Frezehev	Ấn độ	Viên	12,000	

DANH MỤC THUỐC MỜI THẦU NĂM 2011

Phân kháng sinh, dịch truyền

(kèm theo Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên thuốc - nồng độ, hàm lượng	Hãng Nước Sx	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Acyclovir 200 mg	Liên doanh	viên	27,700	
2	Acyclovir 200 mg	Việt nam	Viên	3,300	
3	Acyclovir 5% 5g	Liên doanh	Tube	1,910	
4	Acyclovir 5% 5g	Hàn quốc	Tube	3,720	
5	Adefovir dipivoxil 10mg	Hàn quốc	viên	1,200	
6	Adefovir dipivoxil 10mg		viên	50	
7	Albumin 20%, chai 50ml	Châu Âu	Chai	650	
8	Albumin 25%, chai 50ml	Châu Âu	Chai	700	
9	Amikacin 250 mg	Liên doanh châu Âu	Lọ	6,000	
10	Amikacin 500 mg	Liên doanh châu Âu	Lọ	5,000	
11	Aminoacid 40g, Nitrogen 5,7mg, Glucose 80g. Dung dịch 1000ml	B.Braun	Túi 2 ngăn	1,200	
12	Amoxycillin 1g+Clavunalic acid 200 mg	Việt nam	Lọ	12,000	
13	Amoxycillin 250mg	Châu Âu	Gói	42,500	
14	Amoxycillin 250mg	Việt nam	Gói	58,000	
15	Amoxycillin 250mg	Nhượng quyền	Gói	87,200	Nguyên liệu châu Âu
16	Amoxycillin 250mg+ clavulanic acid 62,5 mg	Việt nam	Gói	56,880	
17	Amoxycillin 500mg	Việt nam	Viên	53,000	
18	Amoxycillin 500mg	Nhượng quyền	viên	469,000	
19	Amoxycillin 500mg+ clavulanat kali 125 mg	Canada	Viên	76,000	
20	Amoxycillin 875mg+ clavulanic acid 125 mg	Việt nam	Viên	35,000	
21	Amoxycillin+ clavulanic acid 250 mg	Glaxo/Châu Âu	Gói	38,000	
22	Amoxycillin+ clavulanic acid 500 mg	Glaxo/Châu Âu	Gói	22,000	
23	Amoxycillin+ clavulanic acid 625 mg	Dhgpharma	Viên	22,000	
24	Amoxycillin+ clavulanic acid 625 mg	Châu Âu	Viên	17,000	
25	Amoxycillin+Clavunalic acid 1g	Việt nam	Viên	22,200	Nguyên liệu Châu Âu
26	Amoxycillin+Clavunalic acid 1g	Glaxo/Châu Âu	Viên	13,000	
27	Amoxycillin+Clavunalic acid 625mg	Việt nam	Viên	27,200	Nguyên liệu Châu Âu
28	Ampicillin 1000mg	Việt nam	Lọ	1,100	
29	Antazolin 0,5mg+ tetrazolin 0,4mg, lọ 10 ml	Âu - Mỹ	Lọ	600	
30	Antimycos 20ml	Việt Nam	chai	300	
31	Argyrol 1 % 5 ml	Việt nam	Lọ	2,200	
32	Azithromycin 100mg	Châu Âu	Gói	12,300	
33	Azithromycin 100mg	Việt Nam	Gói	5,000	
34	Azithromycin 250mg	Liên doanh	Gói	6,000	
35	Azithromycin 250mg	Việt Nam	viên	11,000	
36	Azithromycin 500mg	Việt Nam	Viên	7,000	Nguyên liệu châu Âu
37	Benzympenicilin 1,2MUI	Đức	Lọ	1,800	
38	Benzympenicilin 1.000.000 UI	Việt nam	Lọ	600	
39	Berberin hydrochloride 100mg	Việt nam	Viên	54,000	

40	Betamethasone 0,64mg, Clotrimazol 10mg, Gentamycin sulfat 1mg. Tube 10g	Liên doanh	Tube	4,900	
41	Brinzolamid 1%, 5 ml, nhỏ mắt	Âu - Mỹ	Lọ	1,700	
42	BSI	Việt Nam	chai	2,000	
43	Calcium euvipharm 10ml	Việt Nam	Ống	6,000	
44	Calcium euvipharm 5mlc	Việt Nam	Ống	8,000	
45	Carbachol 0,01%, Lọ 1,5ml	Âu - Mỹ	Lọ	600	
46	Cebedexacol 5 ml	Châu Âu	Lọ	1,100	
47	Cefaclor 125 mg	Châu Âu	Gói	18,000	
48	Cefaclor 125 mg	Việt nam	Gói	93,800	
49	Cefaclor 125 mg	Việt nam	Gói	47,600	Nguyên liệu Châu Âu
50	Cefaclor 125 mg	Liên doanh	Gói	12,000	
51	Cefaclor 250 mg	Việt Nam	viên	12,800	Nguyên liệu châu Âu
52	Cefaclor 250 mg	Việt nam	viên	91,000	
53	Cefaclor 250 mg	Việt nam	viên	20,000	Nguyên liệu Châu Âu
54	Cefaclor 250 mg	Liên doanh	Viên	23,000	
55	Cefaclor 375 mg	Châu Âu	Viên	16,600	
56	Cefaclor 375 mg	Getzpharma	Viên	18,800	Phóng thích kéo dài
57	Cefaclor 375 mg	Việt nam	Viên	13,000	
58	Cefadroxil 500mg	Hàn quốc	viên	29,000	
59	Cefadroxil 500mg	Việt Nam	viên	39,000	
60	Cefadroxil 500mg	Việt nam	viên	64,000	Nguyên liệu Châu Âu
61	Cefalexin 500mg	Nhượng quyền	Viên	62,000	
62	Cefalexin 500mg	Việt nam	Viên	275,000	Nguyên liệu Châu Âu
63	Cefalexin 500mg	Việt nam	Viên	42,000	
64	Cefalexin 250 mg	Châu Âu	Viên	7,000	
65	Cefalexin 250 mg	Việt nam	Viên	27,600	
66	Cefalexin 250 mg	Nhượng quyền	Viên	92,000	Nguyên liệu Châu Âu
67	Cefalexin 250mg	Châu Âu	gói	52,400	
68	Cefalexin 250mg	Việt Nam	gói	32,600	
69	Cefalexin 250mg	Liên doanh	gói	61,600	Nguyên liệu Châu Âu
70	Cefalexin 750mg	Việt Nam	Viên	12,000	
71	Cefamandol 1g	Liên doanh	Ống	3,600	
72	Cefazolin 1g	Nhóm 1	Lọ	3,600	
73	Cefazolin 1g	Liên doanh châu Âu	Lọ	12,000	
74	Cefdinir 125mg	Việt Nam	Gói	12,000	Nguyên liệu châu Âu
75	Cefdinir 300mg	Ấn độ	Viên	6,000	
76	Cefdinir 300mg	Việt nam	Viên	7,200	
77	Cefepime 1g	Pháp	Lọ	2,400	
78	Cefepime 1g	Liên doanh châu Âu	Lọ	2,400	
79	Cefepime 1g	Ấn độ	Lọ	1,200	
80	Cefixim 100mg	Việt nam	Viên	52,500	Nguyên liệu châu Âu
81	Cefixim 100mg	Nhượng quyền	Gói	36,000	
82	Cefixim 100mg	Việt nam	Gói	15,000	Nguyên liệu châu Âu
83	Cefixim 100mg	Ấn độ	Gói	12,000	

84	Cefixim 200mg	Việt nam	Viên	40,600	
85	Cefixim 200mg	Việt Nam	Viên	33,600	Viên nén phân tán
86	Cefixim 200mg	Việt Nam	Viên	14,800	Nguyên liệu châu Âu
87	Cefixim 50mg	Hàn quốc	Gói	46,800	
88	Cefixim 50mg	Nhượng quyền	Gói	46,800	
89	Cefoperazon 0,5g + Sulbactam 0,5g	Hàn quốc	Lọ	2,800	
90	Cefoperazon 1g	Liên doanh châu Âu	Lọ	4,800	
91	Cefoperazon 1g	Châu Âu	Lọ	1,800	
92	Cefoperazon 1g + Sulbactam 1g	Ấn độ	Lọ	3,600	
93	Cefoperazon 500 mg + Sulbactam 500 mg	Ấn độ	Lọ	3,600	
94	Cefotaxim 1g	Pháp	Lọ	67,500	Kèm dung môi
95	Cefotaxim 1g	Việt Nam	Lọ	17,100	
96	Cefotaxim 1g	Hàn Quốc	Lọ	17,000	
97	Cefotaxim 1g inj	Liên doanh châu Âu	Lọ	18,600	
98	Cefpodoxim 100mg	Việt nam	Viên	7,000	Nguyên liệu châu Âu
99	Cefpodoxim 100mg	Việt Nam	Gói	12,000	Nguyên liệu châu Âu
100	Cefpodoxim 200mg	Ấn độ	Viên	3,000	
101	Cefpodoxim 200mg	Việt Nam	Viên	12,500	Nguyên liệu châu Âu
102	Cefradin 1g	Liên doanh	Lọ	7,000	
103	Ceftazidime 1 g	Việt Nam	Lọ	3,600	
104	Ceftazidime 1 g	Hàn quốc	Lọ	4,800	
105	Ceftazidime 1 g	Liên doanh châu Âu	Lọ	6,500	
106	Ceftazidime 1g	Châu Âu	Lọ	1,200	
107	Ceftizoxim 1g	Liên doanh	Lọ	6,000	
108	Ceftizoxim 1g	Việt nam	Lọ	5,000	Nguyên liệu châu Âu
109	Ceftriaxone 1g	Hàn quốc	Lọ	15,500	Kèm dung môi
110	Ceftriaxone 1g	Việt nam	Lọ	7,000	Kèm dung môi
111	Ceftriaxone 1g	Hàn Quốc		10,000	
112	Ceftriaxone 1g	Nga	Lọ	8,200	
113	Ceftriaxone 1g	Liên doanh châu Âu	Lọ	7,700	
114	Ceftriaxone 2g	Ý	Lọ	5,000	
115	Cefuroxim 250mg	Việt nam	Viên	44,000	
116	Cefuroxim 250mg	Việt nam	Viên	14,400	Nguyên liệu nhóm 1
117	Cefuroxim 750mg	Châu Âu	Lọ	5,800	Kèm dung môi
118	Cefuroxim 750mg	Liên doanh châu Âu	Lọ	5,600	
119	Cefuroxime 125mg	Việt Nam	Gói	36,200	Nguyên liệu châu Âu
120	Cefuroxime 125mg	Liên doanh	Viên	33,000	Nguyên liệu châu Âu
121	Cefuroxime 250mg	Nhóm 1	Viên	20,000	
122	Cefuroxime 250mg	Châu Âu	viên	17,000	
123	Cefuroxime 500mg	Việt Nam	viên	51,600	
124	Chloramphenicol 0.4 % 10 ml	Việt nam	Lọ	12,800	
125	Chloramphenicol 1g	Pháp	Lọ	1,800	
126	Chloramphenicol +dexamethason 5 ml tra mắt	Việt nam	Lọ	5,800	

127	Chloramphenicol +dexamethason 5 ml tra mắt	Châu Âu	Lọ	2,600	
128	Chloramphenicol 250mg	Việt nam	Viên	24,500	
129	Ciprofloxacin 500mg	Châu Âu	Viên	7,000	
130	Ciprofloxacin 500mg	Hàn Quốc	Viên	31,000	
131	Ciprofloxacin 500mg	Việt nam	Viên	85,500	Nguyên liệu châu Âu
132	Ciprofloxacin 500mg	Liên doanh	Viên	18,000	
133	Ciprofloxacin 500mg, Tinidazol 600mg	Việt nam	Viên	12,000	
134	Ciprofloxacin 0,3 % coll	Châu Âu	Lọ	2,900	
135	Ciprofloxacin 0,3 % coll	Liên doanh Châu Âu	Lọ	3,000	
136	Ciprofloxacin chai 200mg/ 100ml	Ấn độ	Chai	5,100	
137	Clarithromycin 125 mg	Việt nam	Gói	20,100	
138	Clarithromycin 250 mg	Việt nam	Viên	22,200	Nguyên liệu châu Âu
139	Clarithromycin 250mg	Châu Âu	Viên	16,000	
140	Clarithromycin 500 mg	Việt nam	Viên	56,000	Nguyên liệu châu Âu
141	Clarithromycin 500mg	Hàn Quốc	Viên	9,000	
142	Clarithromycin 500mg	Liên doanh	Viên	20,600	
143	Clindamycin 150mg	Hàn Quốc	Viên	3,000	
144	Clindamycin 150mg	Việt nam	Viên	9,000	
145	Clindamycin 300mg	Hàn Quốc	Viên	6,800	
146	Clindamycin 300mg	Việt nam	Viên	4,000	
147	Clindamycin 300mg	Liên doanh châu Âu	Ống	3,000	
148	Clotrimazole 1% 10g	Việt nam	Tube	1,000	
149	Clotrimazole 100 mg	Việt nam	Viên	12,000	
150	Cloxacilin 500mg	Đức	Lọ	6,000	
151	Cốm Xitrina	Việt nam	Chai	12,000	
152	Cồn 90độ 60ml	Việt Nam	Lọ	6,600	
153	Corectol 0,1 % * 10 ml	Châu Âu	Lọ	1,900	
154	Dexamethasone 4mg/2ml	Việt nam	Ống	2,300	
155	Dextran 40 10 % 500 ml	Châu Âu	Chai	1,040	
156	Dextran 70 6 % 500 ml	Châu Âu	Chai	940	
157	Diiodohydroxyquinolein 210mg	Liên doanh	Viên	2,000	
158	Doxycycline 100mg	Việt nam	Viên	34,000	
159	Dung dịch acid amin 10%, 250ml. Thành phần: Isoleucine 5.0g , Leucine 8.9g, Lysine 6.85g, Methionine 4.4g, Phenylalanine 4.7g, Threonine 4.2g, Tryptophan 1.6g, Valine 6.2g, Arginine 11.5g, Histidine 3.0g, Alanine 10.5g trong 1000 ml	Châu Âu	Chai	1,850	
160	Dung dịch acid amin 10%, 500ml. Thành phần: Isoleucin 8.8g,Leucin 13.6g, Lysin Acetat (#7,51g Lysin) 10.6g, Methionin 1.2g,phenylanin 1.6g, Threonin 4.6g, Tryptophan 1.5g, Valin 10.6g, Arginin 8.8g, Histidin 4.7g, Glycin (Acid Aminoacetic) 6.3g , Alanin 8g trong 1000ml	Châu Âu	Chai	3,970	

161	Dung dịch acid amin 5%, 250ml. Thành phần: Isoleucine 2.5g, Leucine 4.45g, Lysine 3.425g, Methionine 2.2g, Phenylalanine 2.35g, Threonine 2.1g, Tryptophan 0.8g, Valine 3.1g, Arginine 5.75g, Histidine 1.5g, Alanine 5.25 trong 1000 ml	Châu Âu	Chai	4,620	
162	Dung dịch acid amin 5%, 500ml	Đài loan	Chai	1,200	
163	Dung dịch acid amin 5%, 500ml. Thành phần: Isoleucine 2.5g, Leucine 4.45g, Lysine 3.425g, Methionine 2.2g, Phenylalanine 2.35g, Threonine 2.1g, Tryptophan 0.8g, Valine 3.1g, Arginine 5.75g, Histidine 1.5g, Alanine 5.2g trong 1000 ml	Châu Âu	Chai	5,050	
164	Dung dịch acid amin 7,2%, dành cho người suy thận, chai 200ml	Liên doanh	Chai	3,050	
165	Dung dịch acid amin 8%, dành cho bệnh lý gan, chai 200ml.	Liên doanh	Chai	3,050	
166	Dung dịch glucose 10% 500 ml	Việt nam	Chai	19,000	Chai nhựa
167	Dung dịch glucose 20% 500 ml	Liên doanh	Chai	3,640	Chai nhựa
168	Dung dịch glucose 30% 5 ml	Việt nam	Ong	11,750	
169	Dung dịch glucose 30% 500 ml	Việt nam	Chai	2,460	Chai nhựa
170	Dung dịch glucose 30% 500 ml	B.Braun	Chai	2,870	Chai nhựa
171	Dung dịch glucose 5 % 500 ml	Liên doanh	Chai	44,100	
172	Dung dịch glucose 5 % 500 ml	Việt nam	Chai	31,600	Chai nhựa
173	Dung dịch glucose 5 % 500 ml	B.Braun	Chai	44,900	Chai nhựa
174	Dung dịch Natri hydrochlorid 0,9% chai 500ml	Việt nam	Chai	36,700	Chai nhựa
175	Dung dịch Natrichlorid 0,9% chai 500ml	B.Braun	Chai	50,800	
176	Dung dịch tiêm truyền Natri hydrochlorid 0,9% chai 100ml	Việt nam	Chai	3,600	
177	Dung dịch tiêm truyền Natri hydrochlorid 0,9% chai 1000ml	Châu Âu	Chai	2,500	
178	Dung dịch tiêm truyền Natri hydrochlorid 0,9% chai 1000ml	Việt nam	Chai	4,000	
179	Erythromycin 250mg	Việt nam	Gói	40,800	
180	Erythromycin 500mg	Việt nam	Viên	71,000	
181	Erythromycin 125mg, Sulfamethoxazol 200mg, Trimethoprim 40mg	Việt Nam	gói	14,000	
182	Erythromycin 250mg	Châu Âu	Gói	13,080	
183	Erythromycin 250mg	Việt nam	Viên	26,500	
184	Erythromycin 500mg	Châu Âu	Viên	5,000	
185	Fluconazole 150mg	Liên doanh	Viên	15,600	
186	Fluconazole 150mg	Việt Nam	Viên	5,000	
187	Flumethason + clioquinol 15g	Âu - Mỹ	Tube	1,200	
188	Flumethason + salisilic acidie 15g	Âu - Mỹ	Tube	1,200	
189	Fluorometholone 0,02g/5ml	Nhật	Lọ	1,200	
190	Gatifloxacin 0,3%, lọ 5ml dung dịch nhỏ mắt	Việt Nam	Lọ	1,200	
191	Gatifloxacin 400mg	Pháp	Viên	2,500	
192	Gelafuldin 500ml	Châu Âu	Chai	1,750	
193	Gentamycin 0,3% 5g	Việt nam	Lọ	3,350	
194	Gentamycin 80mg	Việt nam	Ong	24,000	
195	Gentamycin 80mg	Liên doanh châu Âu	Ống	18,800	
196	Griseofulvin 500mg	Việt nam	Viên	13,500	
197	Imidapril 10mg	Nhóm 1	Viên	1,800	



198	Imipenem 500 mg	Châu Âu	Chai	1,500	
199	Imipenem 500 mg, Cilastatin 500mg	Liên doanh Châu Âu	Lọ	1,200	
200	Itraconazol 100mg	Liên doanh	Viên	3,000	
201	Ketoconazol, Clobetason propionat, neomycin. Tube 15g	Châu Á	Tube	2,640	
202	Ketoconazol, Clobetason propionat. Tube 15g	Châu Á	Tube	600	
203	Ketoconazole 2% 10g	Việt Nam	tube	1,220	
204	Ketoconazole 2% 5g	Liên doanh	Tube	2,900	
205	Ketoconazole 200mg	Olic	Viên	16,000	
206	Ketoconazole 200mg	Việt nam	Viên	3,300	
207	Lactat Ringer 500ml	Liên doanh	Chai	38,200	
208	Lactat Ringer 500ml	B.Braun	Chai	60,800	
209	Lactat Ringer 500ml	Việt nam	chai	37,200	
210	Lamivudine 100 mg	Châu Âu	Viên	2,000	
211	Lamivudine 100 mg	Liên doanh	Viên	1,500	
212	Levofloxacin 100mg	Hàn quốc	Viên	12,500	
213	Levofloxacin 250mg	Việt Nam	Viên	8,000	
214	Levofloxacin 25mg/5ml, nhỏ mắt	Liên doanh châu Âu	Lọ	1,000	
215	Levofloxacin 25mg/5ml, nhỏ mắt	Nhật	Lọ	1,000	
216	Levofloxacin 500mg	Getzpharma	viên	2,000	
217	Levofloxacin 500mg	Liên doanh	Viên	1,000	
218	Levofloxacin 500mg	Việt Nam	Viên	12,000	
219	Levofloxacin 500mg/100ml, dung dịch tiêm truyền	Châu Âu	Chai	280	
220	Levofloxacin 500mg/100ml, dung dịch tiêm truyền chai	Getzpharma	Chai	780	
221	Lincomycin 600mg	Việt nam	Ong	450	
222	Lincomycin 500mg	Việt Nam	viên	12,000	
223	Lomefloxacin 0,3% nhỏ mắt 5ml	Châu Âu	Lọ	560	
224	Malva purpurea 250mg, long não 20mg, xanh methylen 25mg	Việt nam	Viên	93,000	
225	Malva purpurea 250mg, long não 20mg, xanh methylen 25mg	Việt nam	Viên	72,000	Nguyên liệu nhóm G7
226	Manitol 20% 250 ml	Việt nam	Chai	1,650	
227	Maxitrol 3,5g	Châu Âu	Lọ	1,000	
228	Metronidazol 250mg +spiramycin 750000UI	Pháp	viên	8,500	
229	Metronidazol 250mg +spiramycin 750000UI	Việt Nam	viên	50,500	
230	Metronidazol 250mg. Viên đặt	Việt nam	Viên	4,500	
231	Metronidazol 500mg, Miconazol 100mg. Viên đặt	Việt nam	Viên	12,000	Nguyên liệu châu Âu
232	Metronidazol 500mg, Nystatin 100.000UI, Neomycine 65.000UI	Liên doanh	Viên	24,000	
233	Metronidazol 500mg, Nystatin 35000UI, Neomycine 35.000UI	Hàn Quốc	Viên đặt	19,300	
234	Metronidazole 250mg	Liên doanh	Viên	39,000	
235	Metronidazole 250mg	Việt nam	Viên	60,000	
236	Metronidazole 500mg/100 ml	Hàn quốc	chai	5,220	
237	Metronidazole 500mg/100 ml	Việt nam	Chai	5,360	
238	Moriamin 200 ml	Nhật	Chai	170	
239	Moxifloxacin 0,5%, 5 ml. Nhỏ mắt	Alcon	Lọ	480	
240	Nalidixic acid 500mg	Việt nam	Viên	56,000	
241	Nalidixic acid 60mg/1ml. Chai 100ml	Châu Âu	Chai	1,200	
242	Naphazolin 0,05% 10 ml	Việt nam	Lọ	2,580	

243	Natri bicarbonat 4,2 % 250 ml	Châu Âu	Chai	1,740
244	Natri Bicarbonate 8,4%/20ml	Châu Âu	Ong	1,990
245	Natri chloride 0,9 % 5 ml	Việt nam	Lọ	15,100
246	Natri hyaluronat 0,1%, nhỏ mắt, 5ml	Nhật		600
247	Nelitimycin 100mg/2ml	Hàn quốc	Ong	2,400
248	Neomycin 0,5 % 5 ml	Việt nam	Lọ	9,200
249	Neomycin + Dexamethason photphat	Việt Nam	tube 10g	1,800
250	Neomycin sulfat 35000, Polymycin sulfat 35000, Nystatin 1000000	Nhóm 1	Viên đặt	23,000
251	Neomycin+dexamethason 5 ml	Việt nam	Lọ	1,800
252	Nephrosteril 100ml tiêm truyền	Au- Mỹ	Chai	480
253	Nhũ dịch lipid 10 % 250 ml	Châu Âu	Chai	1,200
254	Nhũ dịch lipid 10 % 500 ml	Châu Âu	Chai	2,400
255	Norfloxacin 400mg	Việt nam	Viên	4,500
256	Nước cất	Việt nam	Lít	2,360
257	Nước cất pha tiêm 100 ml	Việt nam	Chai	1,500
258	Nước cất pha tiêm 5ml	Việt nam	Ong	135,000
259	Nystatin 100.000 UI viên đặt	Việt nam	viên	9,200
260	Nystatin 500.000 UI	Việt nam	viên	18,440
261	Oculotect fruid 5g/100ml, Lọ10 ml	Châu Âu	Lọ	600
262	Ofloxacin 200mg	Việt nam	Viên	38,600
263	Ofloxacin 15mg/5ml, nhỏ mắt	Liên doanh châu Âu	Lọ	1,000
264	Ofloxacin 200mg	Hàn Quốc	Viên	13,000
265	Ofloxacin 200mg	Liên doanh châu Âu	Viên	5,000
266	Ofloxacin 3mg/g, tube 3,5g	Việt nam	Tube	700
267	Okacin 3 mg/ ml * 5 ml	Châu Âu	Lọ	600
268	Olopatadine (hydrochloride) 0,1 % * 5 ml	Châu Âu	Lọ	600
269	Opsadex 5 ml	Châu Âu	Lọ	2,000
270	Otifar 10 ml	Việt nam	Chai	3,700
271	Oxacillin 0,5g	Việt nam	Viên	7,600
272	Oxacillin 1 g	Châu Âu	Lọ	6,000
273	Oxacillin 0,5g	Việt nam	Viên	3,600
274	Patanol 0,1% 5ml nhỏ mắt	Châu Âu	Lọ	700
275	Pefloxacin 400 mg	Pháp	Viên	3,100
276	Pefloxacin 400 mg / 5 ml	Pháp	Ong	1,500
277	Pemirolast Kali 0,1%, nhỏ mắt, 5ml	Nhật	Lọ	1,000
278	Penicilline 1.000.000UI	Việt Nam	viên	39,000
279	Penicilline 400.000UI	Việt Nam	viên	5,000
280	Piperacilin 4g+ tazobactam 0,5g*	Ấn độ	Lọ	900
281	Povidon iodine 200mg	Ấn độ	Viên	600
282	Povidone iodine 10 % 1lít	Việt nam	Lít	150
283	Povidone iodine 10 % 500 ml	Việt nam	chai	3,680
284	Povidone iodine 10 % 90 ml	Việt nam	Lọ	26,860
285	Povidone iodine 4% 500 ml	Việt nam	Chai	1,510
286	Povidone iodine 10% 20ml	Việt Nam	Lọ	13,950
287	Prednisolon acetat 0,1% nhỏ mắt 5ml	Châu Âu	Lọ	600
288	Roxithromycin 150 mg	Nhượng quyền	Viên	3,000
289	Roxithromycin 150 mg	Việt nam	Viên	1,500
290	Roxithromycin 50 mg	Nhượng quyền	Gói	6,000
291	Spersadex 5 ml	Châu Âu	Lọ	900
292	Spersalerg 10 ml	Châu Âu	Lọ	600
293	Spiramycin 1.5 MUI	Việt Nam	viên	22,500
294	Spiramycin 1.5 MUI	Liên doanh	viên	47,000

295	Spiramycin 3 MUI	Việt nam	Viên	42,800	
296	Spiramycin 3 MUI	Liên doanh	Viên	64,800	
297	Spiramycin 750.000 UI	Việt nam	Gói	41,000	
298	Spiramycine 1,5 MUI	Châu Âu	Viên	12,500	
299	Spiramycine 3MUI	Châu Âu	Viên	6,000	
300	Sulfacetamid+methyl thioninium 10 ml nhỏ mắt	Việt nam	Lọ	1,250	
301	Sulfamethoxazol+trimethoprim 480 mg	Việt nam	Viên	32,000	
302	Sulfamethoxazol+trimethoprim 960 mg	Việt nam	Viên	37,000	
303	Tear natural II 15 ml	Mỹ	Lọ	650	
304	Teicoplanin 200mg	Hàn Quốc	Lọ	900	
305	Tenofovir 300mg	Liên doanh	Viên	1,500	
306	Terbinafin (hydroclorid) 10mg	Hàn quốc	Tube	600	
307	Tetracyclin 500mg	Việt Nam	viên	8,500	
308	Tetracyclin pomade 1%,	Việt nam	tube 5g	6,600	
309	Timolol 0,5 % nhỏ mắt 5 ml	Việt nam	Lọ	300	
310	Timolol 0,5 % nhỏ mắt 5 ml	Nhật	Lọ	1,200	
311	Tinidazol 500mg	Ấn độ	Viên	9,600	
312	Tinidazol 500mg/100ml	Taiwan	Ống	3,200	
313	Tobramycin 0,3 % Lọ 5ml	Châu Âu	Lọ	2,850	
314	Tobramycin 0,3 % Lọ 5ml	Hàn quốc	Lọ	12,000	
315	Tobramycin 0,3 % Lọ 5ml	Việt Nam	Lọ	3,600	
316	Tobramycin 3mg+ dexamethason 1mg nhỏ mắt	Hàn quốc	Lọ 5ml	1,950	
317	Tobramycin 80mg	Hàn quốc	Ống	8,500	
318	Tobramycin+ dexamethason 5ml nhỏ mắt	Châu Âu	Lọ 5ml	1,950	
319	Travoprost 0,004%, 2,5ml. Nhỏ mắt	Âu - Mỹ	Lọ	900	
320	Tropicamid 1%, 15ml	Au- Mỹ	Lọ	600	
321	Tyrothricine 1 mg +tetracain0,1 mg	Việt nam	Viên ngậm	98,880	
322	V.rhoto 13 ml	Liên doanh	Lọ	1,650	
323	Vancomycin 0,5g	Ấn độ	Lọ	5,000	
324	Vancomycin 1g	Nhóm 1	Lọ	1,200	
325	Vancomycin 1g	Liên doanh châu Âu	Lọ	360	
326	Xanh methylen + tím gentian	Việt nam	Lọ	5,100	
327	Xanh metylen 1 % 3 ml	Việt nam	Lọ	51,000	

DANH MỤC THUỐC MỜI THẦU NĂM 2011

Phần thuốc thường

(Kèm theo Quyết định số 2184 /QĐ-UBND ngày 17/9/2010 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên thuốc -nồng độ ,hàm lượng	Hãng Nước Sx	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Aceclofenac 100mg	Ấn độ	Viên	10,500	Bao phin
2	Aceclofenac 100mg	Liên doanh	Viên	13,875	
3	Acenocumarol 4mg	Châu Âu	Viên	2,400	
4	Acetazolamide 250mg	Canada	Viên	6,600	
5	Acetyl - DL - leucin 500mg	Pháp	Viên	26,400	
6	Acetyl cystein 100 mg	Liên doanh	Gói	119,200	
7	Acetyl cystein 100 mg	Việt nam	Gói	11,000	
8	Acetyl cystein 200 mg	Việt nam	Viên	86,000	
9	Acetyl cystein 200 mg	Liên doanh	Gói	102,800	
10	Acetyl cystein 200mg	Việt Nam	Gói	30,000	Nguyên liệu châu Âu
11	Acetyl cystein 200mg/8ml	Việt Nam	Ông	30,000	
12	Acetyl DL-leucin 500mg	Việt Nam	viên	54,000	
13	Acetylsalicylic acid 100 mg	Châu Âu	Gói	13,200	
14	Acetylsalicylic acid 250 mg	Châu Âu	Gói	1,000	
15	Acetylsalicylic acid 500 mg	Việt nam	Viên	13,600	Viên bao tan trong ruột
16	Acetylsalicylic acid 81mg	Việt nam	Viên	41,400	
17	Acid Mefenamic 250mg	Việt Nam	viên	80,000	
18	Acidenoacetic acid 0,15g, Methylglucamin 0,146g	Châu Âu	Viên	3,000	
19	Acidenoacetic acid 0,25g; Methylglucamin 0,193g	Châu Âu	Viên	3,000	
20	Acridone acetic acid 150mg, N-methylglucamin 146mg	Việt Nam	Viên	3,000	
21	Adenosin triphosphat 20mg	Trung quốc	Viên	2,650	
22	Adenosin triphosphat 6mg/2ml	Thụy sĩ	Ông	1,450	
23	Albendazole 200mg	Việt nam	Viên	8,200	
24	Albendazole 200mg	Olic	Viên	5,000	
25	Alendronat 70mg	Liên doanh	Viên	3,000	Nguyên liệu châu Âu
26	Alendronat 70mg	Getzpharma	Viên	1,500	
27	Alfuzosin 5 mg	Liên doanh	Viên	4,200	
28	Alimemazine 5 mg	Liên doanh	Viên	132,500	Nguyên liệu châu Âu
29	Alimemazine 5 mg	Việt Nam	Viên	120,500	
30	Alimemazine Sp 60 ml	Liên doanh	Chai	15,010	
31	Allopurinol 300mg	Ấn độ	Viên	8,200	
32	Allopurinol 300mg	Nhóm 1	Viên	1,700	
33	Alphachymotrypsin 21 microkatal	Nhượng quyền Mỹ	Viên	237,000	
34	Alphachymotrypsin 42 microkatal	Việt nam	Viên	12,000	
35	Alphachymotrypsin 21 microkatal	Việt Nam	Viên	530,000	Nguyên liệu châu Âu
36	Alphachymotrypsin 5mg kèm dung môi	Việt nam	Ông	4,300	
37	Alphachymotrypsin 5mg kèm dung môi	Liên doanh	Ông	4,150	
38	Aluminum phosphate 20 % 12,38 g	Châu Âu	Gói	57,000	
39	Aluminum phosphate gel + Sorbitol	Việt nam	Gói	102,000	
40	Alverin citrat 60mg, Simethicol 300mg	Liên doanh	Viên	22,000	Nang mềm
41	Alverine 40mg	Nhượng quyền	Viên	316,000	
42	Alverine 40mg	Châu Âu	Viên	29,000	
43	Ambroxol 30mg	Việt nam	Gói	31,200	

44	Ambroxol 30mg	Liên doanh châu Âu	Viên	31,200	
45	Amino acid + Polyvitamin Thành phần theo Phụ lục 1	Liên doanh	Viên nang mềm	34,000	
46	Amino acid + Polyvitamin Thành phần theo Phụ lục 1	Liên doanh	Viên	4,000	
47	Aminophylline 25mg/ml	Hunggary	ống	6,092	
48	Amiodaron 200mg	Nhóm 1	Viên	15,000	
49	Amitriptyline 25mg	Việt nam	viên	4,000	
50	Amlodipin 5mg, Atorvastatin 10mg	Ấn độ	Viên	14,800	
51	Amlodipine 5 mg	Liên doanh	Viên	50,200	
52	Amlodipine 5 mg	Nhóm 1	Viên	25,600	
53	Amlodipine 5 mg	Việt nam	viên	54,200	Nguyên liệu châu Âu
54	Antinat 125mg	Việt Nam	Gói	12,000	
55	Antirova 3.0	Việt nam	Viên	12,000	
56	Arginin 200 mg	Việt Nam	Viên	14,800	
57	Arginin 1 g	Pháp	Ống	1,200	
58	Arginin hydrochlorid 400 mg/8ml	Việt Nam	Ống	14,800	
59	Atenolol 50mg	Việt nam	Viên	10,200	
60	Atorvastatin 10mg	Liên doanh	Viên	17,200	
61	Atorvastatin 10mg	Việt Nam	Viên	500	
62	Atorvastatin 20mg	Liên doanh Mỹ	Viên	17,200	
63	Atracurium Besylate 10mg/ml, ống 2,5ml	Au - Mỹ	Ong	1,200	
64	Atropin 1mg/1ml, ống 10ml	Việt Nam	Ống	6,000	
65	Atropin sulphat 1mg/1ml	Hungary	Ong	13,350	
66	Atropine sulfate 0,25mg/1ml	Việt nam	Ong	15,900	
67	B1 15mg, B2 10mg, B6 5mg, PP 50mg, C 100mg	Việt nam	Viên	202,900	
68	Bacillus subtilis $10^7 - 10^8$	Việt nam	Gói	175,500	
69	Bambuterol 10 mg	Đài loan	Viên	1,200	
70	Betahistin dihydroclorid 16 mg	Việt Nam	Viên	1,200	
71	Betamethason 500mcg	Châu Âu	Viên	2,400	
72	Bezafibrate 200mg	Nhóm 1	Viên	6,000	
73	Biphenyl diphenyl dicarbxylylate 7,5mg	Hàn quốc	Viên	33,000	Viên nang
74	Bisoprolol 5mg	Liên doanh	Viên	10,000	
75	Bovine lung surfactant 120mg	Hàn quốc	Lọ	220	
76	Brinzolamid 1%, 5ml dung dịch nhỏ mắt	Châu Âu	Lọ	1,200	
77	Bromhexin 8mg	Việt nam	Viên	151,200	
78	Bromhexine 4mg/5ml	Việt Nam	Lọ	500	
79	Bromhexine 8mg	Đức	Viên	20,500	
80	Budesonid 100mcg	Ấn độ	Lọ	600	
81	Buflomedil hydroclorid 150mg	Pháp	Viên	1,500	
82	Buflomedil hydroclorid 150mg	Hàn quốc	Viên	300	
83	Buflomedil hydroclorid 50mg/5ml	Pháp	ống	600	
84	Buflomedil hydroclorid 50mg/5ml	Hàn quốc	ống	300	
85	Butoform + cao côn nước men bia + esculsid + dầu gan cá thu + tinh dầu thym	Tube 50g	Tube	1,220	
86	Butoform + cao côn nước men bia + esculsid + dầu gan cá thu + tinh dầu thymP	Tube 25g	Tube	1,720	
87	Ca gluconolactat 2940 mg, Ca Carbonat 300 mg	Liên doanh	Viên sùi	14,600	
88	Cafein citrat 7 %	Việt nam	ống	1,200	
89	Calci carbonat 375 mg + tribasic calci phosphat 75 mg + calci fluorid 05 mg + Magnesi hydroxyd 50 mg + Cholecalciferol (vitamin D3) 250 IU	Việt nam	Viên	13,600	

90	Calci carbonat 625 mg+ Vitamin D3 200UI+ Magnesium sulfat 100mg	Ấn độ	Viên	16,600	
91	Calci carbonat 750mg+ Vitamin D3 100UI	Liên doanh	Viên nang mềm	11,400	
92	Calci carbonate BP 250mg, Calci triol BP 025mcg, Kẽm nguyên tố 75mg	Việt nam	Viên	15,400	
93	Calci glucoheptonate 1000mg+ vitamin D2 300UI + C 150mg + PP 100mg	Việt nam	Ống	13,000	Ống nhựa bé
94	Calci glucoheptonate+ vitamin D2 + C + PP 1g + 0,05 mg	Liên doanh	Ong 10ml	12,200	
95	Calci gluconat 500mg+ Vitamin D3 200UI	Việt nam	Viên	36,600	
96	Calci gluconate 10% 5ml	Châu Âu	Ong	3,350	
97	Calci gluconate 500 mg	Châu Âu	Viên sùi	26,600	
98	Calci glucononate 500mg	Châu Âu	Viên	22,800	
99	Calci Glycerophotphat 456mg, Magne Gluconat 426mg	Liên doanh	Ống	5,000	Ống nhựa bé
100	Calciglucoheptonat + Vit D2 + C + Vit PP ống 10ml	Việt Nam	Ong	39,560	
101	Calcigluconolactat 2,97g, Calci carbonat 0,3g	Liên doanh	Viên sùi	12,400	
102	Calcitonine 50UI	Châu Âu	Ong	600	
103	Calcitriol 0,25mcg	Hàn Quốc	Viên	11,800	
104	Calcitriol 0,25mcg	Liên doanh	Viên	6,800	Viên nang mềm
105	Calcitriol 0,25mcg	Việt Nam	Viên	2,000	
106	Calcium lactat 500mg, ống uống 10ml	Hàn quốc	Ống	4,000	
107	Calcium lactate 271,8mg, Calcium Gluconate 240mg, Calcium carbonate 240mg, Ergocalciferon 0,118mg	Hàn quốc	Viên	4,400	
108	Calcium lactate 300mg	Malaysia	Viên	1,800	
109	Cao anthocyanosidic 50mg, Alphotocopherol 50mg	Châu Âu	Viên	3,400	
110	Cao đặc Actiso:01g, cao biên súc:0075g, bìm bìm biếc:0075g,	Việt nam	Viên	176,400	
111	Cao ginkgo biloba14mg +heptaminol chlohydrate 300mg + troxerutine 300mg	Châu Âu	Viên	5,600	
112	Cao nhân sâm, các vitamin và kháng chất có thành phần theo Phụ lục 10	Việt Nam	viên	2,500	Viên nang mềm
113	Cao nhân sâm, các vitamin và kháng chất có thành phần theo Phụ lục 2	Châu Âu	viên	7,600	Viên nang mềm
114	Cao nhân sâm, các vitamin và kháng chất có thành phần theo Phụ lục 3	Liên doanh	viên	8,800	Viên nang mềm
115	Cao pygeum africanum 50 mg	Châu Âu	Viên	4,800	
116	Capsaicin 0,025%, 10g	Liên doanh	Tube	600	
117	Captopril 25mg	Liên doanh	Viên	85,500	Nguyên liệu nhóm 1
118	Captopril 25mg	Hàn quốc	Viên	66,100	
119	Captopril 50 mg	Hàn Quốc	Viên	12,200	
120	Carbamazepin 200mg	Châu Âu	Viên	4,500	
121	Carbamazepin 200mg	Việt Nam	Viên	5,000	
122	Carbazochrome 30 mg	Liên doanh	Viên	4,000	
123	Carbazochrome 10 mg	Liên doanh	Viên	23,120	
124	Carbazochrome 25 mg/5ml	Nhật	Ống	4,650	
125	Carbimazole 5mg	Châu Âu	Viên	1,200	
126	Carbogastyl	Việt Nam	Viên	26,200	
127	Carvedilol 6.25 mg	Pháp	Viên	3,600	
128	Celecoxib 100mg	Liên doanh	Viên	1,000	
129	Celecoxib 100mg	Ấn độ	Viên	20,000	
130	Celecoxib 100mg	Nhóm 1	Viên	12,000	
131	Celecoxib 200mg	Liên doanh	Viên	21,000	
132	Celecoxib 200mg	Ấn độ	Viên	12,000	
133	Celecoxib 200mg	Nhóm 1	Viên	2,000	



134	Cerebrolucine 215,2mg/ml, ống 10 ml	Ao	Ong	5,712	
135	Cetirizin hydrochlorid 10mg	Liên doanh	Viên	68,000	
136	Chloroquin photphat 0,25g	Việt nam	Viên	4,000	
137	Chlorpheniramine 4mg	Việt nam	Viên	109,000	
138	Choline alfoscerat 1g/4ml	Au - Mỹ	Ong	1,200	
139	Choline alfoscerat 1g/4ml	Việt Nam	Ống	1,200	
140	Cilostazol 50mg	Hàn Quốc	Viên	2,400	
141	Cimetidine 300mg	Việt nam	viên	169,300	
142	Cimetidine 300mg	Au - Mỹ	Viên	6,900	
143	Cimetidine 300mg	Đài Loan	Ống	81,550	
144	Cinnazirin 25mg	Việt Nam	Viên	15,000	
145	Cinnazirin 25mg	Olic	Viên	88,000	
146	Citicoline 500mg/5ml	Hàn quốc	Ống	6,000	
147	Clobetasol propionat 0,05%	Liên doanh	Tube	1,200	
148	Clopidogrel bisulfate 75mg	Châu Âu	Viên	3,600	
149	Barisulfat 110g	Việt Nam	Gói	1,800	
150	Clopidogrel bisulfate 75mg	Việt Nam	Viên	5,600	Nguyên liệu châu Âu
151	Clorpromazin 25 mg	Việt nam	Viên	2,000	Bao đường
152	Clorpromazine 25mg/1ml	Việt nam	Ong	1,300	
153	Colchicine 1 mg	Pháp	Viên	15,700	
154	Colchicine 1 mg	Việt Nam	Viên	10,700	
155	Colistin sulfat 1Tr đơn vị	Liên doanh	Lọ	1,200	
156	Cồn 70°	Việt nam	Lít	4,200	
157	Cồn 90 độ	Việt nam	Lít	1,960	
158	Tube K-Y 82	Mỹ	Tube	360	
159	Con bộ măm 1,8g, Natrin Benzoat 2,7g, cao lông núc lác 1,8g, Eucaliptol 0,18ml, xi rô Vienn chí 9g, xirô vỏ cam 27g, xi rô An tức hương 18g, si rô húng chanh vđ 90ml	Việt Nam	Chai	13,916	
160	Deferipron 250mg	Ấn độ	Viên	12,000	
161	Deferipron 250mg	Châu Âu	Viên	12,000	
162	Desloratadin 5mg	Liên doanh	Viên	7,400	
163	Dexamethasone 0,5mg	Việt nam	Viên	21,000	
164	Dexamethasone 4 mg	Au - Mỹ	Ong	3,600	
165	Dexamethasone 50mg, Chloramphenicol 2g, thuốc mỡ 100g	Việt nam	Tube	1,200	
166	Dexchlorpheniramin 6mg	Việt nam	Viên	8,600	
167	Dexchlorpheniramin 2mg	Châu Âu	Viên	13,600	
168	Dexchlorpheniramine 2mg	Việt nam	Viên	3,600	
169	Dextromethorphan 10mg/5ml Chai 60ml	Liên doanh	Chai	6,250	
170	Dextromethorphan 15mg	Việt nam	Viên	24,700	
171	Dextromethorphan 5mg, Clorpheniramin maleat 1,33mg, Guaifenesin 33,3mg, Natribenzoat 50mg	Việt Nam	chai 30ml	9,600	
172	Dextromethorphan HBr 5mg, Chlorpheniramin Maleate 1,33mg, Sodium citrate 133mg, Ammonium Chloride 50mg, Glycerol Guaiacolate 50mg/5ml Chai 60ml	Liên doanh	Chai	5,228	
173	Dextromethorphan HBr 5mg +Chlorpheniramine Maleate 1,33mg	Nhượng quyền	chai 30ml	35,700	
174	Diacerein 50mg		Viên	12,000	
175	Diclofenac 50 mg	Việt nam	Viên	84,000	
176	Diclofenac 50 mg	Liên doanh	Viên	149,000	
177	Diclofenac 50 mg	Novartis	Viên	12,400	
178	Diclofenac 75 mg	Việt nam	Viên	134,800	
179	Diclofenac 75 mg	Châu Âu	Viên		Tác dụng kéo dài
180	Diclofenac 75 mg/ 3 ml	Việt nam	Ong	15,100	

181	Diclofenac 75mg/3ml	Châu Âu	Ong	6,440	
182	Diclofenac 75mg/3ml	Liên doanh châu Âu	Ông	9,700	
183	Didrogesteron 10mg	Nhóm 1	Viên	1,500	
184	Diethylphthalat mỡ 15g	Việt nam	Tube	2,540	
185	Digoxin 0,5mg	Châu Âu	Ong	2,010	
186	Digoxin 0,25 mg	Châu Âu	Viên	8,750	
187	Dihydro Ergotamine mesylate 3mg	Châu Âu	Viên	5,140	
188	Dihydro Ergotamine mesylate 3mg	Việt Nam	Viên	5,140	
189	Dihydrocodein bitartrat 5mg, Guaifenesin 50mg, DL Methylephedrin 17,5mg	Việt Nam	Viên	3,610	
190	Diltiazem 30mg	Châu Âu	Viên	3,800	
191	Diltiazem 60mg	Pháp	Viên	5,300	
192	Dimecrotat Magne 50mg	Pháp	Viên	4,800	
193	Dimenhydrinate 50mg	Châu Âu	Viên	7,600	
194	Diocetahedral smectite 3g/20ml	Hàn quốc	Gói	42,000	
195	Diosmectit 3g	Liên doanh	Gói	68,600	
196	Diosmin 450mg+ Hesperidin 50mg	Nhóm 1	Viên	36,500	
197	Diosmin 450mg+ Hesperidin 50mg	Việt Nam	Viên	12,000	Vi hạt
198	Diosmin 600mg	Pháp	Viên	5,000	
199	dl - alpha - Tocoferyl acetat 400UI, Acid Ascorbic 500mg, Selenium 50mcg	Việt Nam	Viên	3,000	Viên nang mềm
200	Dobutamin 250mg	Đức	Lọ	1,020	
201	Domperidone 0,1%, chai 30 ml	Olic	Chai	4,200	
202	Domperidone 0,1%, chai 30 ml	Liên doanh	Chai	10,200	
203	Domperidone 10mg	Liên doanh	Viên	44,700	
204	Domperidone 10mg	Olic	Viên	61,000	
205	Donepezil hydrochlorid 5mg	Việt Nam	Viên	5,000	
206	Đồng sulfat 0,25g, tá dược vđ 100ml, chai 250ml	Việt nam	Chai	14,740	
207	Dopamine Hydrochloride 200mg/ 5 ml	Châu Âu	Ong	3,312	
208	Domperidon 1mg/1ml, chai 30ml	Liên doanh	Chai	22,000	
209	Drotaverin 40mg	Liên doanh	Viên	58,200	
210	Drotaverin 40mg/2ml	Liên doanh châu Âu	Ong	4,350	
211	Dung dịch calci chloride 10% 5ml	Việt nam	Ong	2,120	
212	Dung dịch kali chloride 10% 10 ml	Pháp	Ong	2,100	
213	Dung dịch magnesi sulfate 15 % 10 ml	Hung	Ong	5,220	
214	Enalapril 10mg	Hàn quốc	Viên	20,800	
215	Enalapril 10mg	Việt Nam	Viên	14,800	Nguyên liệu châu Âu
216	Enalapril 10mg	Liên doanh	Viên	10,600	
217	Enalapril 5mg	Liên doanh	Viên	123,400	
218	Enalapril 5mg	Ba lan	Viên	12,000	
219	Enalapril 10mg	Ba lan	Viên	12,000	
220	Enalapril 5mg	Hunggary	Viên	10,800	
221	Enoxaparin (natri) 40 mg	Châu Âu	Ong	1,800	
222	EPA 180mg, DHA 120mg	Mỹ	Viên	13,800	
223	EPA 360mg+DHA+ Vitamin E 1UI	Au - Mỹ	Viên	13,600	
224	Eperison 50 mg	Nhật	Viên	3,600	
225	Epinephrine 1mg /ml	Việt nam	Ong	6,380	
226	Erythropoietin β 2000UI	Nhóm 1	Ông	3,600	
227	Erythropoietin α 2000 UI	Hàn Quốc	Ông	3,600	
228	Erythropoietin α 2000UI	Cu ba	Ông	1,500	
229	Erythropoietin α 1000UI	Ấn độ	Ông	1,500	
230	Erythropoietin β 1000UI	Nhóm 1	Ông	1,500	
231	Esomeprazol 20mg	Ấn độ	Viên		

232	Estradiol benzoate 1 mg	Pháp	Viên	3,600	
233	Ethamsylat 250mg/2ml	Châu Âu	Ống	4,800	
234	Etifoxin chlohydrat 50mg	Pháp	Viên	1,800	
235	Etodolac 200mg	Hàn quốc	viên	9,000	
236	Etomidate 20 mg/ 10 ml	Đức	Ong	3,600	
237	Eucaliptyl	Việt Nam	Viên	26,000	
238	Eucalyptol 100mg; Menthol 0.5mg; Tinh dầu tần 0.18mg; Tinh dầu gừng 0.5mg	Liên doanh Mỹ	Viên	12,000	
239	Eucalyptol 100mg; Menthol 0.5mg; Tinh dầu tần 0.36mg; Tinh dầu trầm 50mg; Tinh dầu gừng 0.75mg	Liên doanh Mỹ	Viên	12,000	
240	Eucalyptol, camphor	Việt Nam	viên	11,000	
241	Euquinin 100g, paracetamol 50mg, Chlorpheniramin 1mg	Việt Nam	gói	28,000	
242	Famotidine 20 mg/5ml	Hung	Ong	6,200	
243	Famotidine 40 mg	Việt nam	Viên	16,000	
244	Felodipin 5mg	Châu Âu	Viên	1,200	
245	Felodipin 5mg CR	Việt nam	Viên	5,210	
246	Fenofibrate 200mg	Au - Mỹ	Viên	21,600	
247	Fenofibrate 100 mg	Au - Mỹ	Viên	18,700	
248	Fenofibrate 200 mg	Getzpharma	Viên	3,410	
249	Fenofibrate 300mg	Au - Mỹ	Viên	17,200	
250	Fenoterol 0,05mg+ ipratropium 0,02mg. Lọ 200 liều	Nhóm 1	Lọ	1,200	
251	Fexofenadine 120mg	Ấn độ	Viên	7,200	
252	Fexofenadine 180mg	Ấn độ	Viên	6,000	
253	Fexofenadine 60mg	Ấn độ	Viên	7,200	
254	Floctafenine 200mg	Việt nam	Viên	6,000	
255	Flunarizine 5mg	Hàn quốc	Viên	18,400	
256	Flunarizine 5mg	Olic	Viên	3,200	
257	Fluocinolone acetonide 0,025% 10g	Việt Nam	tube	5,400	
258	Fluocinolone acetonide 0,025% 15g	Ba lan	Tube	2,200	
259	Folic acid 5mg	Việt nam	Viên	38,000	
260	Formoterol 6mcg, Budesonide 100mcg Hộp 120 liều xịt	Ấn độ	Hộp	1,850	
261	Furosemide 20 mg	Au - Mỹ	Ong	5,210	
262	Furosemide 40mg	Việt nam	viên	15,600	
263	Fursultiamin 50mg, Riboflavin 2mg, Pyridoxin 2mg, Vitamin B12 5mcg, Vitamin C 60mg, Vitamin E 50mg	Liên doanh	Viên	71,700	
264	Fusidic acid 2%, Betamethasone dipropionate 0,064% Tube 5g	Liên doanh	Tube	1,400	
265	Fusidic acid 2% tube mấy gram	Châu Âu	Tube	600	
266	Gabapentin 400mg	Getzpharma	Viên	3,600	
267	Genistein 15 mg, Calcicarbonat 250 mg	Việt nam	viên bao	1,800	Nguyên liệu châu Âu
268	Ginkapra 80mg	Hàn quốc	Viên	56,000	
269	Ginkgo biloba 40 mg	Nhóm 1	Viên	31,000	
270	Ginkgo biloba 40 mg	Nhượng quyền	Viên	21,200	
271	Ginkgo biloba 120mg	Hàn quốc	Viên	5,600	
272	Ginkgo Biloba 17,5mg/5ml	Hàn quốc	Ống	6,050	
273	Ginkgo Biloba 40mg	Việt Nam	viên	9,600	Nguyên liệu châu Âu
274	Ginkgo Biloba 40mg	Liên doanh	Viên	32,000	
275	Ginkgo Biloba 40mg, Vitamin B1 25mg, Vitamin B6 25mg, Vitamin B2 5mg, Vitamin PP 10mg	Việt Nam	Viên	12,000	
276	Glibenclamide 5mg	Châu Âu	viên	4,600	
277	Glibenclamide 5mg	Liên doanh	viên	4,600	

278	Gliclazide 30mg	Liên doanh	Viên	88,800	
279	Gliclazide 30mg MR	Việt Nam	Viên	2,360	
280	Gliclazide 80mg	Việt Nam	Viên	17,400	
281	Gliclazide 80mg	Au – Mỹ	Viên	43,000	
282	Gliclazide 80mg, Metformin 500mg	Ấn độ	Viên	30,200	
283	Glimepiride 2mg	Nhóm 1	Viên	6,200	
284	Glimepiride 2mg	Liên doanh	Viên	12,200	
285	Glimepiride 4 mg	Liên doanh	Viên	12,000	
286	Glimepiride 2mg	Hàn Quốc	Viên	14,200	
287	Glipizide 5mg	Việt Nam	Viên	12,000	Viên giải phóng có kiểm soát
288	Glucosamin 1500mg	Việt Nam	Gói	12,000	
289	Glucosamin 375mg, Chondroitin 300mg, Kalichliride 50mg	Mỹ	Viên	12,000	
290	Glucosamin 500mg	Việt nam	Viên	78,600	Viên sủi
291	Glucosamin 500mg, Chondroitin 125mg	Việt nam	Viên	5,000	Viên sủi
292	Glucosamin 500mg, chondroitin 20mg	Úc	Viên	129,000	
293	Glucosamin sulfat 250mg	Úc	Viên	35,000	
294	Glucosamin sulfat 250mg	Nhượng quyền	Viên	32,000	
295	Glucosamin sulfat 250mg	Việt Nam	Viên	14,000	
296	Glutathione 300mg	Taiwan	Ông	600	
297	Glycerin 3ml	Việt nam	Tube	3,150	
298	Glyceryl trinitrat 5mg (miếng dán)	Au – Mỹ	Miếng	1,800	
299	Glyceryl trinitrate 2,6mg	Nhóm 1	Viên	22,300	
300	Griseofulvin 5%, tube 10g	Việt Nam	tube	2,320	
301	Haloperidol 1,5 mg	Việt nam	Viên	60,000	
302	Haloperidol 1mg	Pháp	Viên	2,800	
303	Halothane 250 ml	Au – Mỹ	Chai	235	
304	Hazin 500mg	Việt Nam	Viên	12,000	
305	Heparin 5000 UI / ml	Châu Âu	Lọ	3,650	
306	Heptaminol 62,5mg/10ml	Châu Âu	Ông	2,800	
307	Heptaminol hydrochlorid 187,8mg	Việt Nam	viên nén	4,500	
308	Hyaluronidase 0,1%, lọ 5ml	Việt Nam	Lọ	360	
309	Hydralazine 20mg/ml	Nhóm 1	Ông	1,850	
310	Hydralazine 20mg	Nhóm 1	Viên	2,800	
311	Hydrochlorothiazide 25 mg	Canada	Viên	6,100	
312	Hydrocortisone 100mg	Đức	Ông	5,700	
313	Hydrocortisone 100mg	Việt Nam	Ông	1,300	
314	Hyosin N-Butylbromid 10mg	Viên	Châu Âu	7,600	
315	Hyosin N-Butylbromid 20mg/ml	Ông	Châu Âu	6,760	
316	Ibuprofen 200mg	Liên doanh	Viên	18,000	Viên nang mềm
317	Ibuprofen 400mg	Việt nam	Viên	16,000	
318	Ibuprofen 400mg	Liên doanh	Viên	16,000	Viên nang mềm
319	Ibuprofen 200 mg+ paracetamol 325 mg	Liên doanh	Viên	36,000	Nguyên liệu nhóm G7
320	Ibuprofen 200 mg+ paracetamol 325 mg	Việt Nam	Viên	40,000	
321	Indapamide 1,5 mg	Pháp	Viên	3,600	
322	Indomethacine 25mg	Việt Nam	viên	1,000	
323	Inosin monophosphat 0,1%, 10ml	Pháp	Lọ	700	
324	Insulin 400 UI	Ấn độ	Lọ	200	
325	Insulin 400 UI Max	Châu Âu	Lọ	770	
326	Insulin 400 UI Lent	Châu Âu	Lọ	670	
327	Insulin hỗn hợp 30/70	Châu Âu	Lọ	2,020	
328	Insulin hỗn hợp 30/70, 400 UI	Ấn độ	Lọ	2,100	
329	Irbesartan 150 mg	Liên doanh	viên	4,100	
330	Isofluran 100 ml	Anh	Lọ	340	



331	Isofluran 250 ml	Châu Âu	Lọ	480	
332	Isosorbide dinitrat 30 mg	Âu Mỹ	Viên	2,900	
333	Isosorbide dinitrate 10mg	Âu Mỹ	Viên	6,900	
334	Isosorbide mononitrate 60mg	Au – Mỹ	Viên	2,700	
335	Isosorbide mononitrate 40mg	Âu – Mỹ	Viên	1,700	
336	Isosorbit dinitrat 20mg	Thụy điển	Viên	3,600	
337	Isosorbit mononitrat 20mg	Hàn quốc	Viên	5,500	
338	Isosorbit mononitrat 30mg	Việt Nam	Viên	1,900	
339	Isosorbit mononitrat 60mg	Ấn độ	Viên	1,900	
340	Isotretinoin 10mg	Việt nam	Viên	1,200	Viên nang mềm
341	Kali chloride 600mg	Châu Âu	Viên	21,000	
342	Kali Iodide 3mg, Natri Iodide 3mg dung dịch nhỏ mắt 10ml	Hàn quốc	Lọ	300	
343	Kẽm sulfat 44mg/5ml. Chai 100ml	Việt Nam	Chai	12,000	
344	Ketoconazol 2% 5 g	Olic	Tube	4,300	
345	Ketoconazol 200mg	Việt nam	Viên	17,000	
346	Ketoprofen 200 mg	Việt nam	Viên	5,000	
347	Ketorolac 10mg	Ấn độ	Viên	1,500	
348	L(+) Arginin hydrochlorid 1g/5ml	Việt nam	Ống 5ml	17,800	
349	Lactobacillus acidophilus 1g	Việt Nam	gói	34,000	
350	Lactobacillus acidophilus 1g	Hàn quốc	Gói	57,000	
351	Lactobacillus acidophilus Lafti 10 ⁹	Liên doanh	gói	2,000	
352	Lactulose 10 g / 15 ml	Châu Âu	Gói	3,700	
353	Lactulose 10 g / 15 ml	Liên doanh	Gói	2,000	
354	Lanzoprazol 30mg	Châu Âu	Viên	5,600	
355	Lanzoprazol 30mg	Liên doanh	Viên	5,800	
356	Lanzoprazol 30mg	Việt Nam	Viên	3,000	
357	Lanzoprazol 30mg, Doperidon 10mg	Ấn độ	Viên	6,600	
358	Levomepromazine 25mg	Việt nam	Viên	1,800	
359	Levothyroxine 0,05mg	Châu Âu	Viên	10,300	
360	Levothyroxine 0,1mg	Châu Âu	Viên	5,600	
361	Lidocain 2 % 10 ml	Châu Âu	Ong	4,200	
362	Lidocain 2 % 10 ml	Việt Nam	Ong	14,000	
363	Lidocain 2 % 2 ml	Việt nam	Ong	51,300	
364	Lidocain 2%, gel 30ml	Âu – Mỹ	Lọ	1,200	
365	Lidocain spay 10 % 38 g	Hungary	Chai	1,291	
366	Lidocaine + epinephrine 1,8 ml	Hàn quốc	Ong	17,400	
367	Lidocaine + epinephrine 1,8 ml	Pháp	Ong	3,000	
368	Lisinopril 5mg	Châu Âu	Viên	5,000	
369	Loperamid 2mg	Ấn độ	Viên	8,200	
370	Loperamide 2mg	Việt nam	Viên	4,200	
371	Loratadin 10mg	Ấn độ	Viên	48,200	
372	Loratadin 10mg	Việt Nam	viên	18,500	
373	Loratadin 2.5mg				
374	L-Ornithin Aspartate	Hàn quốc	viên	3,400	
375	L-Ornithin+Tocopherol	Hàn quốc	viên	2,900	
376	L-orthinine L-aspartat 150mg	Hàn quốc	Viên	14,100	
377	L-orthinine L-aspartat 5g	Hàn quốc	Ống		
378	Losartan 25mg	LD châu Âu	Viên		
379	Losartan 50mg	Châu Âu	Viên	4,300	
380	Losartan 50mg	LD châu Âu	Viên		
381	Lovastatin 20mg	Hàn quốc	viên	1,300	
382	Loxoprofen 60mg	Liên doanh	Viên		

383	Lysine 20mg; Ca 8,67mg; P 13,33mg; B1 0,2mg; B2, 0,23mg; B6 0,4mg; D3 40IU; E 1mg; PP 1,33mg; B5 0,67mg. Chai 100ml	Châu Âu	Chai		
384	Macrogol 10g	Châu Âu	Gói	2,020	
385	Magne sulphate 15 % * 10ml	Châu Âu	Ong	3,430	
386	Magne lactat 470mg + B6 5 mg	Việt nam	Viên	222,200	Nguyên liệu châu Âu
387	Magne lactat 470mg + B6 5mg	Nhượng quyền	Viên	8,400	
388	Magnesium 100mg + B6 5mg	Việt nam	Viên	24,600	Viên sủi
389	Mangiferin 100mg	Liên doanh	Viên	12,000	
390	Mazipredone 30 mg	Hungary	ống	4,270	
391	Mebendazole 500mg	Việt nam	Viên	3,300	
392	Mebendazole 500mg	Olic	Viên	5,300	
393	Mebendazole 100mg	Việt nam	Viên	1,700	
394	Mebeverin hydroclorid 100mg	Châu Âu	Viên	1,200	
395	Mebeverin hydroclorid 135mg	Châu Âu	Viên	1,200	
396	Mecobalamin 0,5mg	Ngoại nhập	Viên	17,200	
397	Meloxicam 15mg	Việt nam	Viên	5,000	
398	Meloxicam 15mg	Châu Âu	Viên	8,400	
399	Meloxicam 15mg/1,5ml	Pháp	Ong	1,000	
400	Meloxicam 15mg/1,5ml	Liên doanh châu Âu	Ống	2,400	
401	Meloxicam 7,5 mg	Đức	Viên	21,500	
402	Meloxicam 7,5mg	Nhượng quyền	Viên	46,500	
403	Meloxicam 7,5mg	Việt Nam	viên	27,800	
404	Meloxicam 7,5mg	Việt Nam	viên	9,800	Nguyên liệu châu Âu
405	Mephenesin 250mg	Liên doanh	Viên	138,000	
406	Mepivacaine hydrochloride 3%, ống 2,2ml	Châu Âu	Ống	4,100	
407	Metformin 1000mg	Việt Nam	Viên		
408	Metformin 500mg	Nhóm 1	Viên	79,200	
409	Metformin 500mg	Việt Nam	Viên		
410	Metformin 500mg + Glibenclamide 5mg	Liên doanh	Viên	31,600	
411	Metformin 850mg	Nhượng quyền Mỹ	Viên	66,000	
412	Metformine 850mg	Pháp	Viên	16,600	
413	Metformine 500mg	Pháp	Viên	51,600	
414	Methionin 250mg	Việt nam	Viên	4,200	
415	Methyl Ergometrin 0,2mg	Châu Âu	Ống	4,900	
416	Methyl Ergometrin 0,2mg	Hàn quốc	Ống		
417	Methyl salicylate+dl-campho+thymol+l-menthol+...	Liên doanh	Hộp 12 miếng	13,820	
418	Methyl salicylate+dl-campho+thymol+l-menthol+...30g	Liên doanh	Tube	3,210	
419	Methylcobalamin 1500mcg	Ấn độ	Viên	1,000	
420	Methyldopa 250mg	Hàn Quốc	Viên	6,300	
421	Methylprednisolon 125mg	Đức	Lọ	1,200	
422	Methylprednisolon 16 mg	Âu - Mỹ	Viên		
423	Methylprednisolon 16 mg	Liên doanh	Viên		
424	Methylprednisolon 40mg/1ml	Hàn Quốc	Ống	600	
425	Methylprednisolon 40mg/1ml	Pfizer - Đức	Ống	600	
426	Methylprednisolon 500mg	Đức	Lọ	600	
427	Methylsalicylat 27% 10g	Việt Nam	tube	7,200	
428	Metoclopramide 10mg/ 2 ml	Châu Âu	Ong	2,652	
429	Metoclopramide 10mg	Châu Âu	Viên	8,800	
430	Metoprolol 25mg	Ấn độ	Viên	3,400	
431	Metoprolol 50 mg	Au - Mỹ	viên	1,900	
432	Metoprolol 50 mg	Ấn độ	Viên	1,300	

433	Mevral 500mcg	Indonesia	Viên		
434	Mg aspartate 140mg + K aspartate 158mg	Châu Âu	Viên	12,000	
435	Misoprostol 200mg	Liên doanh	Viên	2,800	
436	Multivitamin Thành phần theo Phụ lục 6	Việt Nam	Viên	74,000	
437	Naloxone 0,4mg/ml	Châu Âu	Ong	3,280	
438	Naloxone 0,4mg/ml	Hàn quốc	Ong		
439	Nandrolon decanoate 50mg/ml	Châu Âu	Ong	600	
440	Natri chondroitin sulfat 100mg, Cholin bitartrat 25mg, Vitamin A 2500 UI, Vitamin B1 20mg, Vitamin B2 5mg	Việt Nam	Viên		
441	Natri sucinat 2,11g; N-methylammonium 3,49g chai 400ml	Châu Âu	Chai		
442	Natrithiosulfat 100mg/ml	Việt Nam	Ong	800	
443	Natrithiosulfat 330mg	Việt Nam	Viên	2,300	
444	Nefopam 20mg	Châu Âu	Ong	2,220	
445	Neopeptin	Ấn độ	Viên	68,000	
446	Neopeptin 15 ml	Ấn độ	Chai	5,320	
447	Neostigmine bromide 0,5mg	Châu Âu	Ong	2,530	
448	Nhôm hydroxyt 400mg, Magne hydroxyt 400mg	Việt Nam	Viên	98,000	
449	Nhôm hydroxyt gel : 3030,3mg, Magne hydroxyt : 800,4mg	Hàn quốc	Gói	17,000	
450	Nhôm hydroxyt gel 0,3922g, Magne hydroxyt 0,6g, Simethicone 0,06g, Simethicone 30% emulsion : 266,7mg	Liên doanh	Gói	85,000	
451	Nhôm hydroxyt gel 800 mg, Magne hydroxyt 800mg, Simethicone 100 mg	Việt Nam	gói	167,000	
452	Nicardipin 10mg/10ml	Nhóm 1	Ong	380	
453	Nifedipine 10mg	Châu Âu	Viên	46,000	
454	Nifedipine 20mg	Việt Nam	Viên	35,400	Viên nang mềm
455	Nifedipine 20mg	Liên doanh	Viên	55,300	
456	Nifedipine 30mg MR	Châu Âu	Viên	9,600	
457	Nifedipine 30mg MR	Việt nam	Viên		
458	Niketamid 125mg+glucose 1500mg	Việt nam	Viên	5,300	
459	Nimodipine 10mg/50ml	Châu Âu	Ong	650	
460	Nitroglycerin 2,5mg		Viên	3,400	
461	Nitroglycerin 6,5mg	Ba Lan	Viên		Viên tác dụng kéo dài
462	Nor- adrenalin 1mg/1 ml	Châu Âu	Ong	8,960	
463	Nor- adrenalin 1mg/1 ml. Ong 4ml	Pháp	Ong	900	
464	Nước oxy già 3 % 60 ml	Việt nam	Chai	39,900	
465	Octreotide 100 mg/ ml * 5 ml	Châu Âu	Ong	1,200	
466	Olanzapin 10mg	Việt Nam	Viên	6,200	
467	Omeprazole 20 mg	Việt nam	Viên	101,000	Nguyên liệu nhóm G7
468	Omeprazole 20 mg	Châu Âu	Viên	16,200	
469	Omeprazole 20mg	Nhuong quyền Mỹ	Viên	12,000	
470	Omeprazole 20mg	Liên doanh	Viên	37,000	
471	Omeprazole 20mg, Domperidone 10mg	Ấn độ	Viên		
472	Omeprazole 40mg	Getzpharma	Lọ	4,800	
473	Omeprazole 40mg	Châu Âu	Viên	9,000	
474	Omeprazole 40mg	Ấn độ	Ong	2,000	
475	Oresol trẻ nhi	Việt Nam	Gói	14,000	
476	Oresol 27,9 g	Việt nam	Gói	47,300	
477	Orthogastin 150mg	Việt Nam	gói	14,800	
478	Oxethazaine 20mg, Aluminium hydroxide gel 582mg, Magnesium hydroxide 196mg	Hàn quốc	Gói		

479	Oxomemazine hydrochlorid 1,65mg, Guaifenesin 33,33mg, Paracetamol 33,33mg, Natri benzoat 33,33mg	Liên doanh	viên	16,960	
480	Oxomemazine hydrochlorid 1,65mg, Guaifenesin 33,33mg, Paracetamol 33,33mg, Natri benzoat 33,33mg	Việt Nam	viên	9,200	
481	Oxytocin 5 UI	Hungari	Ong	73,400	
482	Oxytocin 5 UI	Nhóm 1	Ong	100	
483	Pancreatin 325mg	Việt nam	Viên	6,500	
484	Pantoprazol 40mg	Liên doanh châu Âu	Viên	8,800	
485	Pantoprazol 40mg	Nhượng quyền Mỹ	Viên		
486	Pantoprazol 40mg	Ấn độ	Ông	3,200	
487	Pantoprazol 40mg, Domperidon 15mg	Ấn độ	Viên	5,600	
488	Papaverine 40mg	Việt nam	Viên	75,000	
489	Paracetamol 100 mg	Việt nam	Viên	60,800	
490	Paracetamol 300mg	Châu Âu	Ong	3,050	
491	Paracetamol 300mg Suppo	Châu Âu	Viên	2,060	
492	Paracetamol 80mg	Châu Âu	Gói	33,000	
493	Paracetamol 80mg	Liên doanh	Gói		
494	Paracetamol 80mg	Việt Nam	Gói		Nguyên liệu châu Âu
495	Paracetamol 80mg Suppo	Châu Âu	Viên	14,260	
496	Paracetamol 120mg	Việt Nam	Viên		
497	Paracetamol 150mg	Việt nam	Gói sùi	74,000	Nguyên liệu châu Âu
498	Paracetamol 150mg	Châu Âu	Gói sùi	83,000	
499	Paracetamol 150mg	Liên doanh	Gói	46,000	
500	Paracetamol 150mg Effervescent	Việt nam	Gói sùi	32,000	
501	Paracetamol 150mg Suppo	Châu Âu	Viên	14,600	
502	Paracetamol 1g/100ml	Đức	Chai	3,840	
503	Paracetamol 1g/100ml	Việt Nam	Chai		
504	Paracetamol 250mg	Nhượng quyền	Viên		
505	Paracetamol 325 mg	Việt nam	Viên	86,300	
506	Paracetamol 325mg	Liên doanh	Viên	160,500	
507	Paracetamol 325mg, Methionine 65mg	Liên doanh	Viên nang mềm	1,000	
508	Paracetamol 325mg, tramadol 37,5mg	Hàn quốc	Viên	25,500	
509	Paracetamol 500 mg	Việt nam	Viên	351,000	Nguyên liệu châu Âu
510	Paracetamol 500 mg	Châu Âu	Viên sùi		
511	Paracetamol 500mg	Liên doanh	Viên sùi	188,000	
512	Paracetamol 500mg	Dhghpharma	Viên sùi	47,000	
513	Paracetamol 500mg	Việt Nam	Viên	341,000	Nguyên liệu châu Âu
514	Paracetamol 500mg, Cafein 65mg	Việt Nam	Viên	14,000	Nguyên liệu châu Âu
515	Paracetamol 500mg+Clorpheniramine 4mg	Việt Nam	viên	11,000	
516	Paracetamol 500mg+Clorpheniramine 4mg +phenylephedrin 10mg	Việt Nam	viên	31,000	Nguyên liệu châu Âu
517	Paracetamol 500mg+Codein 10mg	Việt Nam	Viên	114,000	Nguyên liệu nhóm G7
518	Paracetamol 500mg+Codein 30mg	Việt Nam	viên sùi	44,000	
519	Paracetamol 500mg+Codein 30mg	Châu Âu	viên sùi	33,000	
520	Paracetamol 500mg+Loratadin 5mg +Dextromethorphan 15mg	Liên doanh	viên		
521	Paracetamol 500mg+Pseudoephedrin +Clorpheniramin 2mg	Liên doanh	Viên	19,000	
522	Paracetamol 80mg	Liên doanh	Gói sùi	48,000	
523	Paracetamol Effervescent 250mg	Châu Âu	Gói	40,000	
524	Paracetamol Effervescent 250mg	Việt Nam	Gói	40,000	
525	Paracetamol Effervescent 250mg	Liên doanh châu Âu	Gói		

526	Paracetamol 400mg, Loratadin 5mg	Nhượng quyền	Viên		
527	Perindoprin 4mg	Mã lai	Viên		
528	Perindoprin 4mg, Indapamid 1,25mg	Liên doanh	Viên	4,800	
529	Perindoprin 4mg, Indapamid 1,25mg	Việt Nam	Viên		
530	Perindoprin arginin 5mg	Pháp	Viên	4,800	
531	Perindoprin ter-butylamin 4mg	Việt Nam	Viên		
532	Phenytoin 100mg	Viên	Việt Nam	1,200	
533	Phloroglucinolhydrate 40mg + trimethylphloroglucinol 40mg	Châu Âu	Ống	1,250	
534	Phytomenadione 10 mg/1ml	Đức	Ống	7,850	
535	Phytomenadione 1mg/1ml	Đức	Ống	5,000	
536	Pioglitazon 15mg	Ấn độ	Viên	6,100	
537	Pioglitazon 15mg, Metformin 500mg	Ấn độ	Viên	6,100	
538	Pipercurium brommua 4mg	Hungary	ống	2,400	
539	Piracetam 3 g	Hungari	Ống	3,780	
540	Piracetam 1g	Liên doanh châu Âu	Ống	100	
541	Piracetam 1g	Đài loan	Ống		
542	Piracetam 3g	Liên doanh châu Âu	Ống	5,630	
543	Piracetam 400 mg	Hungari	Viên	40,900	
544	Piracetam 400 mg	Việt nam	Viên	26,300	Nguyên liệu châu Âu
545	Piracetam 400 mg, Cinnazirin 25 mg	Việt nam	Viên		Nguyên liệu châu Âu
546	Piracetam 400mg	Hàn Quốc	Viên	7,500	
547	Piracetam 800 mg	Hungari	Viên	12,500	
548	Piracetam 800 mg/8ml	Việt Nam	Ống	12,500	
549	Piroxicam Beta Cyclodextrin 20 mg	Getzpharma	Viên	100	
550	Piroxicam 20 mg	Việt nam	Viên	4,200	
551	Piroxicam 20 mg/1ml	Châu Âu	Ống	1,200	
552	Piroxicam 20 mg/1ml	Châu Âu	Ống	12,000	
553	Polystyrene sulfonate natri 0,5g	Au – Mỹ	Gói bột	3,600	
554	Polystyrene sulfonate natri 15g	Liên doanh	Gói	2,400	
555	Polyvitamin drop thành phần theo Phụ lục 4 Siro, chai 30ml	Liên doanh	Chai	2,500	Nguyên liệu châu Âu
556	Polyvitamin Thành phần theo Phụ lục 5	Việt Nam	viên	18,400	Viên nang mềm.
557	Pralidoxime iodide 500mg/10ml	Hàn quốc	Ống	4,220	
558	Prednisolone 25mg/1ml	Đức	Viên		
559	Prednisolone 5mg	Canada	Viên	164,000	
560	Prednisolone 5mg	Việt Nam	Viên	177,000	
561	Prednisolone acetat 1%, lọ 5ml dung dịch nhỏ mắt	Nhóm 1	Lọ	1,250	
562	Pregabalin 150mg	Ngoại nhập	Viên	6,000	
563	Pregabalin 75mg	Ngoại nhập	Viên	9,000	
564	Pregabalin 75mg	Việt nam	Viên	6,000	
565	Procain hydrochloride 3% 2 ml	Việt nam	Ống	12,100	
566	Progesterone 100mg	Châu Âu	Viên	1,500	
567	Progesterone 25 mg/ ml	Châu Âu	Ống	670	
568	Promethazin 0,09g 90ml siro	Việt Nam	Chai	2,700	
569	Promethazin 2% 10g	Liên doanh	Tube	1,650	
570	Promethazin 50 mg/2 ml	Châu Âu	ống	1,700	
571	Propofol Lifuro 200mg/20 ml	B.Braun	Ống	1,200	
572	Propranolol 2 mg/2 ml	Hàn quốc	Ống	1,250	
573	Propranolol 40 mg	Canada	Viên	11,700	
574	Propylthiouracil (PTU) 25 mg	Châu Âu	Viên	1,200	
575	Protamin Bạc 1%, lọ 5ml	Việt Nam	Lọ	1,200	
576	Pyrantel 125 mg	Châu Âu	viên	1,400	

577	Quinin sulfate 0,25g	Việt nam	Viên	18,000	
578	Rabeprazol 20mg	Ấn	Viên	1,200	
579	Rabeprazol 20mg	Việt nam	Viên	12,000	
580	Racecadotril 10mg	Liên doanh	Gói	1,200	
581	Racecadotril 10mg	Nhóm 1	Gói	1,200	
582	Racecadotril 30mg	Liên doanh	Gói	2,400	
583	Ranitidin 150 mg	Việt nam	Viên	16,600	
584	Ranitidin 150 mg, Domperidone 10mg	Ấn độ	Viên	4,600	
585	Ranitidin 25mg/ml	Ấn độ	Ống	1,350	
586	Ranitidin 300mg	Việt Nam	viên	5,100	
587	Rocuronium Bromide 25mg	Nhóm 1	Ống	5,000	
588	Rocuronium Bromide 50mg	Nhóm 1	Ống	100	
589	Rosiglitazon maleat 4mg	Ấn độ	Viên	4,800	
590	Rosuvastatin 10mg	Liên doanh	Viên	3,600	
591	Rotunda 30mg	Việt nam	Viên	30,600	
592	Rotunda 60mg	Việt nam	Viên	13,400	
593	Salbutamol 100mcg/1lần xịt, lọ 200 liều	Uc	chai	1,520	
594	Salbutamol 2 mg	Việt nam	Viên	128,000	
595	Salbutamol 2,5mg/2,5ml	Uc	Ong	9,130	
596	Salbutamol 4 mg	Châu Âu	Viên	4,600	
597	Salbutamol 4 mg CR	Việt nam	Viên		
598	Salbutamol 5mg/2,5ml	Uc	Ong	12,030	
599	Salbutamol 0,5 mg / ml	Việt nam	Ong	3,800	
600	Salbutamol 1 mg Suppo	Pháp	Viên	3,200	
601	Salbutamol 1 mg Suppo	Viện Nam	Viên		
602	Salmeterol + fluticasone dạng hít 25/125 mcg	Úc	Lọ	1,200	
603	Salmeterol + fluticasone dạng hít 25/125 mcg	Ấn	Lọ	600	
604	Salmeterol + fluticasone dạng hít 25/250 mcg	Úc	Lọ	900	
605	Salmeterol + fluticasone dạng hít 50/25 mcg	Úc	Lọ	600	
606	Salmeterol + fluticasone dạng hít 50/250 mcg	Úc	Lọ	600	
607	Sắt Acrobat 100mg, Acid Folic 1,5mg	Ấn độ	Viên	36,000	
608	Sắt fumarat 162mg, acid Folic 0,75mg, Vitamin B12 7,5mcg	Liên doanh	Viên nang mềm	51,800	
609	Sắt fumarat 200mg, acid Folic 1mg	Liên doanh	Viên	47,600	
610	Sắt Gluconat, Mangan Gluconat, Đồng Gluconat 50mg, 1,33mg, 0,7mg (tính theo nguyên tố)	Pháp	Ống 10ml	24,300	
611	Sắt sucrose. Ống tiêm 5ml chứa 100mg sắt nguyên tố		Ống	3,000	
612	Sắt sulphat (oxalat) 60mg	Việt nam	Viên	14,600	
613	Sắt, acid folic, B12	Việt Nam	viên	11,200	
614	Selenium+A+E+C	Hàn quốc	viên	4,600	
615	Seoka 200mg	Hàn quốc	Viên	25,000	
616	Serratiopeptidase 10 mg	Việt nam	Viên	40,000	
617	Serratiopeptidase 10mg	Liên doanh	viên	223,000	
618	Sevoflurane 250ml	Nhóm 1	Chai	160	
619	Silymarine 70mg	Châu Âu	viên	7,200	
620	Simethicone 300mg, Alverin citrat 60mg	Việt nam	Viên	22,200	Viên nang mềm
621	Simethicone 67mg/15ml	Liên doanh	chai	2,600	
622	Simethicone 80mg	Việt nam	Viên ngậm	1,000	
623	Simvastatin 20mg	Liên doanh	Viên	13,500	
624	Sodium choldrotil 100mg, Retinol 2500 IU, Cholin 25mg, Vitamin B2 5mg, Vitamin B1 20mg	Liên doanh	Viên	13,000	
625	Sorbitol 5g	Việt nam	Gói	46,100	
626	Sorbitol 5g	Liên doanh	Gói	32,500	

627	Sorbitol 5g + Natricitrate bơm hậu môn	Việt nam	tube	4,100	
628	Spironolactole 50mg	Châu Âu	Viên	4,600	
629	Spaparacetamol 10% 20ml	Việt nam	Lọ	2,500	
630	Streptococcus faecium ... 1,35 x 10 ⁸ Bacillus subtilis... 0,25 x 10 ⁸ , Thiamine HCl (B1) : 0,5 mg, Viatmin B2 0,5mg; Nicotinamide 2mg; Vitamin B6 0,5mg; Viatmin C 10mg, Viatmin B12 1mcg, Kẽm oxyde 2,5mg	Hàn quốc	Gói	12,000	
631	Streptokinase 10mg, Streptodonsae 10mg	Ấn độ	Viên	1,200	
632	Streptokinase 1500000 UI	Hàn quốc	Lọ	180	
633	Sucrafate 1g	Việt nam	Gói	4,600	
634	Sucrafate 1g	Việt nam	Gói	4,600	Gói 5g
635	Sucrafate 1g	Châu Âu	Gói	1,250	
636	Sucrafate 1g	Việt nam	Viên	4,600	(dạng siêu vi hạt)
637	Sulbutiamin 200mg	Châu Âu	Viên	4,800	
638	Sulpiride 50mg	Pháp	Viên	4,200	
639	Sulpiride 50mg	Việt nam	Viên	18,300	
640	Suxamethonium chlorid 100mg/2ml	Đức	Ong	2,740	
641	Nystatin gói rơ lưỡi trẻ em	Việt nam	Gói	1,200	
642	Systane 15ml nhỏ mắt	Alcon	Lọ	1,200	
643	Telmisartan 40mg	Nhóm 1	Viên	3,600	
644	Telmisartan 40mg	Ấn độ	Viên	3,600	
645	Tenoxicam 20mg	Liên doanh châu Âu	Ông	3,500	
646	Teoramin 500mg	Hàn quốc	Viên	500	
647	Terbutalin 0,5mg/1ml	Au – Mỹ	Ong	1,300	
648	Terbutalin 2,5mg	Au – Mỹ	Viên	1,000	
649	Terbutalin 5mg khí dung	Au – Mỹ	Ong	1,700	
650	Terpin chlohydrate 100mg+codein 5mg	Việt nam	Viên	242,000	
651	Theophyllin 120mg,phenobarbital 8mg, Ephedrin 20mg	Việt Nam	viên	32,000	
652	Theophylline 100 mg	Nhóm 1	Viên	1,000	
653	Theophylline 100 mg	Việt nam	Viên	12,920	
654	Thiamazol 5mg	Châu Âu	Viên	4,800	
655	Thiamine mononitrat 125 mg, Pyridoxine HCl 125 mg, Cyanocobalamin 125 mcg	Liên doanh	Viên	12,200	
656	Thiopental 1 g	Đức	Lọ	1,720	
657	Tianeptine 12,5 mg	Au – Mỹ	Viên	5,000	
658	Tiaprofenic acid 100mg	Việt Nam	Viên	3,000	
659	Tiropamid hydroclorid 100mg	Hàn Quốc	Viên	3,000	
660	Tizanidin hydrochloride 2mg	Ấn độ	Viên	9,000	
661	Tizanidin hydrochloride 4mg	Ấn độ	Viên	9,000	
662	Tolperison 50mg	Việt nam	Viên	6,000	Bao phin
663	Tranexamic acid 10%, 5ml	Au – Mỹ	Ong	4,730	
664	Tranxenamic acid 10% 5ml	Hàn quốc	Ong	4,000	
665	Tranxenamic acid 500mg	Nhật	Viên	3,200	
666	Triamcinolone Acetonid 1% 5ml	Au – Mỹ	ông	600	
667	Tricalcium phosphate 0,6g	Pháp	gói bột	2,900	
668	Trihexyphenidyl (hydroclorid) 2mg	Việt Nam	Viên	1,500	
669	Trimebutin 120mg+Rucogenines 10mg	Pháp	Viên	3,300	
670	Trimebutine maleat 100 mg	Pháp	Viên	8,600	
671	Trimebutine maleat 150 mg	Hàn quốc	Viên	35,000	
672	Trimebutine maleat 200 mg	Liên doanh	Viên	32,200	Nguyên liệu châu Âu
673	Trimetazidine 20mg	Châu Âu	Viên	92,000	
674	Trimetazidine 20mg	Hàn Quốc	Viên	179,000	
675	Trimetazidine 20mg	Việt Nam	Viên	23,000	Nguyên liệu châu Âu

676	Trimetazidine 35mg MR	Việt Nam	Viên	12,300	
677	Trimetazidine 35mg, viên tác dụng kéo dài	Liên doanh	Viên	31,500	
678	Trimetazidine 35mg, viên tác dụng kéo dài	Nhóm 1	Viên	9,500	
679	Uabain 0,25mg	Việt nam	Ống	800	
680	Ursodesoxycholic acid 200mg	Việt Nam	Viên	8,000	
681	Valproic acid 200mg	Việt nam	viên	12,000	
682	Valproic acid 200mg	Châu Âu	Viên	3,000	
683	Valproic acid 200mg	Việt nam	Viên	3,000	
684	Vaselin 10g	Việt nam	Lọ	1,900	
685	Vecuronium bromide 4 mg	Nhóm 1	Ong	3,600	
686	Vitamin B1 15mg, Vitamin B2 10mg, Vitamin C 5mg, Pyridoxin 5mg, Vitamin B9 50mg, Calci Pantothenat 5mg	Việt nam	Viên	39,800	
687	Vinpocetin 10mg/2ml	Châu Âu	Ống	8,000	
688	Vinpocetin 5 mg	Châu Âu	Viên	12,000	
689	Vitamin A 10000IU, D3 2000IU, E 10mg, C 30mg, B1 3mg, B2 2mg, B5 5mg, B6 2mg, PP 10mg, Calci 50mg, Kali 0,002mg, Đồng 1mg, Magne oxyde 1mg, Mangan 1mg, Kẽm oxyde 0,5mg	Việt nam	Viên	10,800	
690	Vitamin A 3000 đơn vị USP, Vitamin D 400 đơn vị USP, Vitamin C 100mg, Vitamin B1 10mg, Vitamin B2 2,5mg, Vitamin B6 15mg, Vitamin B12 4mcg, Niacinamid 20mcg, Calci Pantothenat 7,5mg, Acid folic 1g, Sắt fumarat 90mg, Calci lactat 250mg, Đồng (đồng sulfat) 100mcg, Iod (kali Iodid) 100mcg	Liên doanh	Viên	25,600	
691	Vitamin A 5000 UI	Việt nam	Viên	42,500	
692	Vitamin A & D 5000 & 500 UI	Việt nam	Viên	43,000	
693	60000IU, Vitamin D3(Cholesterol 1000000 IU/g 4800 IU, Vitamin E (dl- alpha-Tocopheryl acetate) 120mg, Thiamine Hydrochloride (Vitamin B1) 24mg, Riboflavin 5-phosphate sodium (Vitamin B2) 12mg, Pirydoxine hydrochloride (Vitamin B6) 12mg, Nicotinamide (Vitamin PP) 240mg, D-Panthenol (Vitamin B5) 120mg, Ascorbic Acid (Vitamin C) 360mg, L- Lysine Hydrochloride 1200mg Chai 60ml	Liên doanh	chai	12,200	Nguyên liệu châu Âu
694	Vitamin B1 100mg/2ml	Việt Nam	ống	8,200	
695	Vitamin B1 100mg+B6100mg+B12 1000 mcg	Nhóm 1	Ống	3,050	
696	Vitamin B1 125mg+B6125mg+B12 125 mcg	Việt nam	Viên	394,000	Nguyên liệu châu Âu
697	Vitamin B1 250mg	Việt nam	Viên	224,000	
698	Vitamin B1 50mg	Việt nam	Viên	10,000	
699	Vitamin B1 50mg + B6 250mg+ B12 5000 mcg bột đông khô kèm dung môi	Liên doanh châu Âu	Ống	51,780	
700	Vitamin B1 50mg, Vitamin B2 2mg, Vitamin B6 61,86mg, Vitamin E 100mg	Liên doanh	Viên	12,000	
701	Vitamin B1 6mg, Vitamin B2 2mg, Vitamin B6 6mg, Vitamin PP 10mg, Tricalci photphat 45mg, Calci gluconate 30mg, Vitamin A 100UI	Việt nam	Gói 3g	11,900	
702	Vitamin B12 1000mcg/1ml	Việt Nam	ống	7,600	
703	Vitamin B6 100mg/2ml	Việt Nam	ống	600	
704	Vitamin B6 250mg	Việt nam	Viên	201,000	
705	Vitamin B6 50mg	Việt nam	Viên	1,000	
706	Vitamin Bcomplex + Vit C	Liên doanh	viên	69,500	
707	Vitamin Bcomplex + Vit C	Việt nam	viên	41,500	



708	Vitamin Bcomplex inj	Việt Nam	ống	15,000	
709	Vitamin C 05 g	Pháp	Ong	24,000	
710	Vitamin C 100 mg	Việt nam	Viên	7,000	
711	Vitamin C 1000mg	Liên doanh	Viên sùi	106,000	
712	Vitamin C 250 mg	Việt nam	Viên	183,000	
713	Vitamin C 500 mg	Liên doanh	Viên	107,000	
714	Vitamin C 500 mg	Việt nam	Viên	287,000	Nguyên liệu châu Âu
715	Vitamin C 50mg + Rutin 50mg	Việt nam	Viên	22,000	
716	Vitamin E 400UI	Việt nam	Viên	53,500	
717	Vitamin E thiên nhiên 400UI	Việt Nam	Viên nang mềm	24,600	
718	Vitamin PP 500mg	Việt nam	Viên	80,500	
719	Vitarals 30 ml	Việt nam	Chai	2,200	

DANH MỤC THUỐC MỜI THẦU

Thuốc thành phẩm y học cổ truyền

(Kèm theo Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh)

STT	Tên thuốc/ hoạt chất	Tên thành phẩm	ĐVT	Đường dùng	Nước sản xuất	Số lượng dự kiến
1	Cây ngũ sắc 15g, Natri Borat 90mg		Chai	Thuốc xịt	Việt Nam	12,000
2	A giao 12g, Ngũ vị tử 6g, Bạc hà 8g, Thiên hoa phấn 6g, Bách bộ 12g, Thiên môn 8g, Bách hợp 12g, Tri mẫu 6g, Bối mẫu 12g, Từ tô 6g, Cam thảo 6g, Từ uyển 8g, Đương quy 12g, Ý dĩ nhân 8g, Sinh khương 5 lát, Hạnh nhân 10g, Cát cánh 10g Mã đầu linh 4g, Đường trắng 28g. Nước uống vừa đủ 280ml.	Bách hạnh chỉ khái lộ	Chai	Uống	Việt Nam	4,000
3	Bạch phục linh 0.6g, Nhục đậu khấu 0.6g, Hoàng liên 0.6g, Mộc hương 0.6g, Sa nhân 0.6g, Gừng 0.3g. Hộp 5 gói x 2g côm/gói	Sungin	Gói	Uống	Việt Nam	8,000
4	Bạch thực 600mg, Bạch truật 650mg, Cam thảo 120mg, Đảng sâm 1000mg, Đương quy 600mg, Hoàng kỳ 450mg, Phục linh 650mg, Quế 240mg, Thục địa 1000mg, Xuyên khung 300mg.	Thập toàn đại bổ	Viên hoàn	Uống	Việt Nam	28,000
5	Bạch chỉ 1,4g; Tân di hoa 0,7g; Thương nhĩ tử 0,4g; Tinh dầu bạc hà 0,0045g; Tá dược vừa đủ.	Fitôrihi-f	Viên	Uống	Việt Nam	120,000
6	Bạch chỉ 74mg; Hương phụ 126mg; Xuyên khung 126mg; Quế 6mg; Gừng 16mg; Cam thảo 5mg.		Viên	Uống	Việt Nam	12,000
7	Hoàng kỳ 0.83g, Cam thảo 0.42g, Bạch truật 0.25g, Trần bì 0.25g, Đương quy 0.25g, Thăng ma 0.25g, Nhân sâm 0.25g, Sài hồ 0.25g, Đại táo 0.17g, Gừng tươi 0.083g, Tá dược vừa đủ.	Bổ trung ích khí	Viên	Uống	Việt Nam	20,000
8	Bạch truật 3g, Mạch nha 3g, Sơn tra 2,5g, chỉ thực 4,5g, Đảng sâm 3g, Trần bì 4,5g, Thần khúc 4,45g, Tá dược Vđ 25g		Hộp	Uống	Việt nam	15,000
9	Bạch truật 4,9g, Cam thảo bắc 1,6g, Nhân sâm triều tiên 4g, Đương qui 2,5g, Hoàng kỳ 4,5g, Mộc hương 1,6g, Nhân nhục 4,9g, Phục thần 5,9g, Táo nhân 5,9g, Viễn chí 2,5g, Mật ong và Tá dược Vđ 100g.	Tế quy tỳ	Hoàn mềm	Uống	Việt nam	24,000
10	Cao Đặc Bách Bộ 2g ; Cao Đặc Cát Cánh 1g ; Mạch môn 8g ; Trần Bì 6g ; Cam Thảo 4g ; Bối Mẫu 4g ; Bạch Quả 4g ; Hạnh Nhân 4g ; Ma Hoàng 6g ; Tinh dầu bạc hà 0,02ml .	Thuốc ho P/H	Chai	Uống	Việt Nam	12,000



11	Bách bộ: 7.15g, mạch môn: 3.13g, bán hạ chế: 2.08g, cát cánh: 3.13g, bạch linh: 0.90g, ma hoàng: 0.68g, tỳ bà diệp: 3.25g, tang bạch bì: 3.13g, mơ muối: 3.30g, ca thảo: 0.63g, lá bạc hà: 0.18g, bạch phân: 0.20g, bằng sa: 0.20g,	Bổ phế chỉ khái lộ	Chai	Uống	Việt nam	4,000
12	Bình vôi 150mg, Sen lá 180mg, Lạc tiên 600mg, Vòng nem lá 600mg, Trinh nữ 63mg	Mimosa	Viên	Uống	Việt Nam	27,000
13	Bột cóc 500mg; Hoài sơn 300mg; Hạt sen 400mg; Ý dĩ 400mg; Sơn tra 500mg; Thu địa 400mg; Tricalciphosphate 100mg; Kẹo mạch nha 1g; Mật ong 1.4g.	Phì nhi đại bổ	Viên	Uống	Việt nam	4,000
14	Bột chuối 10,62g, Muồng trâu 1,06g, Trần bì 0,32g Gói 12g	Bột nhuận tràng	Gói	Uống	Việt Nam	4,000
15	Cam thảo 0.62g, Kê nội kim 0.52g, Nhũ hương 0.62g, Tỳ giải 0.62g, Ý dĩ nhân 0.62g, Ngưu tất 0.83g, Hải kim sa 0.83g, Mộc thông 0.26g, Kim tiền thảo 2.6g, Đông quỳ tử 0.62g, Hồ phách 0.52g, Tá dược vđ 4g	Bài thạch hoàn	Gói	Uống	Việt Nam	40,000
16	Mã tiền chế lượng tương đương 0,7mg Strychnin, Hy thiêm 852mg, Ngũ gia bì 232mg, Tam thất 50mg	Viên phong thấp FENGSHI-OPC	viên	Uống	Việt Nam	3,000
17	Thương nhĩ tử 20mg, Tân di hoa 15mg, Phòng phong 15mg, Bạch truật 7,5mg, Hoàng kỳ 25mg, Bạc hà 5mg, Bạch chỉ 300mg	Viên mũi xoang RHINASSIN-OPC	viên	Uống	Việt Nam	24,000
18	Actisô 400mg, Bim bim biếc 400mg, Biền súc 400mg	Viên gan mật LIVERBIL®	Viên	Uống	Việt Nam	12,000
19	Cao Bạch Quả 40mg	Viên dưỡng não OP.CAN®	Viên	Uống	Việt Nam	12,000
20	Cao Đan sâm 126mg, Bột mịn tam thất 141mg, Borneol 8mg	OPCARDIO viên hộ tâm	Viên	Uống	Việt Nam	12,000
21	Linh chi 1500 mg	LINH CHI OPC	viên	Uống	Việt Nam	12,000
22	Thục địa 281,0mg, Sơn thù 168,7mg, Tỳ giải nam 93,7mg, Hoài sơn 110,7mg, Khiêm thực 131,0mg, Mẫu Đơn bì 112,3mg	KIDNEYTON BỔ Thận Âm	Viên	Uống	Việt Nam	12,000
23	Tỏi 1500mg, Nghệ 100mg	GARLICAP® Viên Tỏi - Nghệ	viên	Uống	Việt Nam	12,000
24	Cao actiso 200mg, Cao biền súc 150mg, Cao bim bim 16mg.	Boganic	Viên	Uống	Việt Nam	20,000
25	Cao chè dây 625mg.	Ampelop	Viên	Uống	Việt Nam	100,000
26	Cao diệp hạ châu 100mg; Cao cỏ nhọ nổi 50mg; Cao nhân trần 130mg; Cao râu bả 50mg; tá dược vừa đủ.	VG5	Viên	Uống	Việt Nam	200,000
27	Cao kim tiền thảo 110mg, cao Râu mèo 110mg		Viên	Uống	Việt Nam	12,000

28	Cao khô kim tiền thảo 120mg; Cao khô râu mèo 100mg.	Kim tiền thảo	Viên nang	Uống	Việt Nam	160,000
29	Cao khô lá bạch quả 0,04g. Tá dược vừa đủ.	Hoạt huyết dưỡng não	Viên	Uống	Việt Nam	800,000
30	Cao khô lá tươi actisô 100mg; Diệp hạ châu 400mg; Biển súc 500mg; Bìm bìm biể 85mg); Tương đương 140mg cao khô, Tá dược Vđ.		Viên	Uống	Việt Nam	12,000
31	Cao khô linh chi 200mg.		Viên	Uống	Việt Nam	8,000
32	Cao lỏng hoàng cung trinh nữ 200mg. Liên nhục 60mg. Cát căn 60mg. Tá dược Vđ.		Viên	Uống	Việt Nam	12,000
33	Cao lỏng râu mèo 10ml, cao lỏng Astiso 24ml, Sorbitol 20g, tá dược Vđ 100ml		Ống	Uống	Việt Nam	12,000
34	Cao đặc Actiso 90mg, Cao đặc biển súc 70mg, Bột long đởm 20mg, Bột bìm bìm 70mg.		Viên	Uống	Việt Nam	36,000
35	Cao đặc đinh lăng 0,15g; Bạch quả 0,05g	Hoạt huyết dưỡng não	Viên	Uống	Việt Nam	800,000
36	Cao đan sâm 17,5mg, Cao tam thất 3,43mg, Borneol 0,2mg	Thiên sử hộ tâm đan	Viên	Uống	Trung Quốc	1,200,000
37	Cao xương hổn hợp 0,70g, Cao qui bản 0,05g, Hoàng bá 2,40g, Tri mẫu 0,30g, Trần bì 0,60g, Bạch thược 0,60g, Can khương 0,15g, Thục địa 0,60g.	Dưỡng cốt hoàn	Gói	Uống	Việt Nam	600,000
38	Phyllanthus sp. 250mg(tương đương 36.4mg cao khô) ; Tá dược Vđ.	Diệp hạ châu	Viên	Uống	Việt Nam	400,000
39	Dầu hồng hoa tinh chế 393mg, vitamin B6 0,5mg, vitamin E 17mg.	Ngũ phúc tâm não thanh	Viên	Uống	Trung Quốc	800,000
40	Diệp hạ châu 1500mg; cỏ nhọ nổi 250mg; chua ngọt 250mg		Chai	Uống	Việt Nam	8,000
41	Diệp hạ châu 3g; Tá dược Vđ.	Diệp hạ châu	Viên	Uống	Việt Nam	720,000
42	Diệp hạ châu 800mg, Xuyên tâm liên 200mg, Bồ công anh 200mg, Cỏ mực 200mg Tá dược Vđ	Diệp hạ châu	Viên	Uống	Việt Nam	720,000
43	Đảng sâm 12,500g, Thục địa 11,665g, Quế 0,833g, Ngũ gia bì 6,665g, Đương qui 7,465g, Xuyên khung 2,000g, Long nhãn 0,833g, Trần bì 1,333g, tá dược Vđ 250ml		Chai	Uống	Việt Nam	5,000
44	Đảng sâm 1g, Bạch linh 0.65g, Bạch truật 0.65g, Cam thảo 0.12g, Xuyên khung 0.3g, Đương qui 0.6g, Thục địa 1g, Bạch thược 0.6g, Hoàng kỳ 0.45g, Quế nhục 0.24g	Thập toàn đại bổ	Viên	Uống	Việt nam	24,000

45	Đảng tâm thảo 0.6g, Táo nhân 2g, Thảo quyết minh 1.5g, Tâm sen 1.0g, Mật ong Vd.	Hoàn an thần	Viên	Uống	Việt Nam	200,000
46	Địa liên 5g, Riềng 5g, Thiên niên kiện 3g, Huyết giác 3g, Đại hồi 2g, Quế chi 2g, Ô đầu 1g, Camphor 1g.	Cồn xoa bóp	Chai	Xoa ngoài	Việt Nam	10,000
47	Độc hoạt 0.3g; Tang ký sinh 0.3g; Cam thảo 0.1g; Tần giao 0.2g; Tế tân 0.1g; Phòng phong 0.3g; Tục đoạn 0.3g; Đương qui 0.3g; Quế chi 0.2g; Ngưu tất 0.3g; Xuyên khung 0.2g; Thục địa 0.3g; Bạch thược 0.3g; Đảng sâm 0.3g; Ý dĩ 0.3g		Viên	Uống	Việt Nam	18,000
48	Eucalyptol 2100mg; Bạc hà 2340mg; Methylsalicylate 258mg; Long não 102mg; T được Vd 6ml.	Dầu gió kim	Chai	Xoa ngoài	Việt Nam	800
49	Eucalyptol 9,725g, Camphor 2,812g. Chai 25ml	Dầu khuynh diệp	Chai 25ml	Xoa ngoài	Việt Nam	800
50	Hạnh nhân 12 g ; Cát cánh 12g ; Bách bộ 12g ; Tiên hồ 12g ; Tử uyển 12g ; Bạc hà 6,25g ; Tô diệp 6,25g ; Tỳ bà diệp 6,25g ; Tang bạch bì 6,25g ; Methol 0,04g ; Natri benzoat 0,25g ; Đường trắng 10g ; Ethanol 96% 1.6ml.		Chai	Uống	Việt nam	6,000
51	Hạnh nhân 6,3g ; Cát cánh 6,3g ; Bách bộ 3,38g ; Tử uyển 3,38g ; Bạc hà 6,3g ; Tô diệp 6,3g ; Tỳ bà diệp 3,38g ; Tang bạch bì 6,3g ; Menthol 0,01g ; Natri benzoat 0,1g ; Đường trắng 4.5g ; Ethanol 96% 0.4ml.		Chai	Uống	Việt nam	8,000
52	Hải mã 0.33g, Lộc nhung 0.33g, Nhân sâm 0.33g, Quế 0.1g, Tá dược vừa đủ.	Fitôgra-f	Viên	Uống	Việt Nam	40,000
53	Bạch Thược 10g ; Đương Quy 36g ; Xuyên Khung 12g ; Cao Đặc Ích Mẫu 3g ; Thục địa 30g ; Ngưu Tất 24g	Hoạt huyết thông mạch P/H	Chai	Uống	Việt Nam	40,000
54	Hoài sơn 72mg; sơn thù 66 mg; Mẫu đơn bì 48.75 mg; Thục địa 78.75mg; Phụ tử 16.5mg; Trạch tả 48.75 mg; Phục linh 48.75mg; quế 16.5 mg; tá dược VD 1 viên	Bổ thận dương bát vị hoàn	Viên hoàn	Uống	Việt Nam	360,000
55	Hoài sơn 183mg. Liên nhục 175mg. Liên tâm 15mg. Lá dâu 91,25g. Lá vông 91,25mg. Bá tử nhân 91,25mg. Toan táo nhân 91,25mg. Long nhãn 91,25mg.	Dưỡng tâm an thần	Viên	Uống	Việt Nam	400,000
56	Hoàng Kỳ 1,875g;Bồ công anh 1,250g; Bạch thược 1,250g; bạch hoa xà thiệt thảo 1,250g; nhân trần bắc 1,875g; hà thủ ô đỏ 1,50; bạch linh 1,250g; kim tiền thảo 1,250g; mẫu đơn bì 1,250g; bạch truật 1,25; đảng sâm 1,500g; đan sâm 1,500g;		Lọ	Uống	Trung Quốc	8,000

57	Hoàng kỳ 1000mg, Sài hồ 300mg, Thăng ma 300mg, Đảng sâm 300mg, Trần bì 300mg, Đường quy 300mg, Cam thảo 100 mg, gừng tươi 100mg.	Bổ trung ích khí	Viên	Uống	Việt Nam	20,000
58	Hoàng kỳ 12g; Khương hoạt 8g; Khương hoàng 4g; Phòng phong 8g; xích thược 8g; Can khương 4g; Nước sạch vừa đủ		Chai	Uống	Việt Nam	12,000
59	Bột Bạch Truat 0,65g ; Bột Mộc Hương 0,35g ; Bột Hoàng Đằng 0,40g ; Bột Hoài Sơn 0,42g ; Bột Trần Bì 0,25g ; Bột Hoàng Liên 0,54g ; Bột Bạch Linh 0,35g ; Bột Bạch thược 0,35g ; Cao Đắc Cam Thảo 0,04g ; Cao Đắc Đảng Sâm 0,22g	Đại tràng hoàn P/H	Gói	Uống	Việt Nam	80,000
60	Huyền hồ sách 0,126g; Mai mực 0,274g; Phèn chua 0,5g.		Viên nang	Uống	Việt nam	12,000
61	Hy thiêm 0,56g; Thục địa 0,56g; tang ký sinh 0,4g; Khương hoạt 0,4g; Phòng phong 0,56g; Đường qui 0,4g; Đỗ trọng 0,4g; Thiên niên kiện 0,4g; tá dược vừa đủ 4g.		Gói	Uống	Việt Nam	15,000
62	Hy thiêm 600mg. Lá lốt 400mg. Ngưu tất 600mg. Thổ phục linh 600mg. Tá dược Vd,	Phong thấp nang	Viên	Uống	Việt Nam	400,000
63	Ích mẫu 0.6g, Ngải cứu 0.18g, Hương phụ 0.15g, Thục địa 0.08g, Bạch thược 0.08g, Đường quy 0.06g, Xuyên khung 0.03g.		Viên	Uống	Việt Nam	8,000
64	Ích mẫu 80g; Hương phụ 25g; Ngải cứu 20g.	Cao ích mẫu	Chai 180ml	Uống	Việt Nam	2,800
65	Ích mẫu 9,8g; Đảng sâm 8,4g; bạch linh 8,4g; bạch truat 8,4g; Thục địa 8,4g; Thục địa 8,4g; Bạch thược 8,4g; Đường qui 8,4g; Xuyên khung 5,6g; Cam thảo 4,2g; Đường trắng 28g; Natri benzoat 0,56g; Nước uống Vd 280ml.		Chai	Uống	Việt nam	5,000
66	Ích mẫu 114g, Hương phụ 130g, Ngải cứu 36g. Chai 180ml		Chai	Uống	Việt Nam	3,000
67	Kim ngân 0.15g, Sài đất 0.5g, Thương nhĩ tử 0.5g, Kinh giới 0.5g, Thổ phục linh 0.375g, Phòng phong 0.375g, Đại hoàng 0.375g, Bạch chỉ 0.1g, Liên kiều 0.125g, Hoàng liên 0.125g, Cam thảo 0.025g, Tá dược vừa đủ.	Tiêu độc	Viên	Uống	Việt Nam	800,000
68	Kim ngân hoa 255mg; Bồ công anh 300mg; Nhân trần 300mg; Thương nhĩ tử 300mg; Nghệ 200mg; Sinh địa 150mg; Cam thảo 50mg; Tá dược Vd.	Thanh huyết	Viên	Uống	Việt Nam	200,000
69	Kim ngân hoa 0,4g; Liên kiều 0,4g; Cát cánh 0,24g; Ngưu bàng tử 0,24g; Cam thảo 0,2g; Đạm đậu xị 0,2g; Kinh giới 0,16g; ; Đạm trúc điệp 0,16g; Bạc hà 0,024g; Tá dược vừa đủ.	Ngân kiều giải độc	Viên	Uống	Việt Nam	200,000
70	Kim tiền thảo 100g; Thục địa 30g; Trạch tả 20g; Đường trắng 28g; Natri benzoate 0.56g; Nước uống được vừa đủ 280ml.	Thạch lâm thông	Chai	Uống	Việt Nam	1,200



71	Kim tiền thảo 3.5g	Kim tiền thảo	Viên	Uống	Việt Nam	160,000
72	Kha tử 200mg = 20mg cao khô, Mộc hương 100mg, Hoàng liên 50mg, Cam thảo 25mg=2.5mg, Bạch truật 10mg=1mg Cao khô, Bạch thược 10mg=1mg.		Viên	Uống	Việt Nam	12,000
73	Lá hoàng cung trinh nữ khô. Gói 2.5g. Hộp 10 gói		Hộp	Uống	Việt Nam	800
74	Linh chi 0.5g, đương quy 0.3g		Viên	Uống	Việt Nam	12,000
75	Long đởm thảo 8,4g; Sài hồ 5,6g; Nhân trần 8,4g; Kim ngân hoa 8,4g; Hoàng cầm 7g; Sinh địa 5,6g; Trạch tả 5,6g; Chi tử 5,6g; Đương quy 4,2g; Xa tiền tử 2,8g; Cam thảo 2,8g; Đường trắng 28g; Natribenzoat 0,56g; Nước uống vừa đủ 280ml.	Mát gan giải độc	Chai	Uống	Việt Nam	2,000
76	Lưỡng diện châm 1.6g, Cam thảo 0.8g, Tinh dầu bạc hà 0.16ml, Tang bạch bì 1.92g, Gừng tươi 1.28g, Xạ can 1.28g, Kha tử 1.28g, Đường kính Vd 16g.		Viên	Uống	Việt Nam	12,000
77	Ma Hoàng 20g ; Tế Tân 6g ; Bán Hạ 30g ; Cam Thảo 20g ; Ngũ Vị Tử 20g ; Can Khương 20g ; Hạnh Nhân 20g ; Bối Mẫu 20g ; Trần Bì 20g ; Tỳ Bà Diệp 20g.	Thuốc hen P/H	Chai	Uống	Việt Nam	4,000
78	Mã tiền 1g, Huyết giác 1g, Ô đầu 1g, Đại hồi 1g, Long não 1g, Mộc dược 1g, Địa liên 1g, Nhũ hương 1g, Đinh Hương 1g, Quế 1g, Gừng 1g, Methy salicylat 10g, Glycerin 2g, Ethanol 90% vđ 100ml	Cồn xoa bóp	Chai	Xoa	Việt Nam	8,000
79	Mật ong nguyên chất 50mg, Bột nghệ 200mg, tá dược Vd 1g.	Viên mật ong nghệ	Viên	Uống	Việt nam	60,000
80	Menthol , Long não ...	Dầu gió	Chai	Xoa ngoài	Việt Nam	2,000
81	Methyl salicylat 32.53g; Camphor 11g; Tinh dầu quế 0,63g; Tinh dầu bạc hà 2g; Gừng khô 2.2g.	Dầu nóng mặt trời	Chai 60ml	Xoa ngoài	Việt Nam	1,200
82	Cao đặc đan sâm 1g; Tam thất 0,07g.		Viên	Uống	Việt Nam	16,000
83	Đan sâm 720mg; Tam thất 141mg; Camphor 8mg.	Hộ tâm đơn	Viên	Uống	Việt Nam	400,000
84	Đẳng sâm 0,5g; Hoàng kỳ 0,6g; Đương qui 0,5g; Trần bì 0,4g; Bạch truật 0,5g; Cam thảo 0,2g; Ngưu tinh thảo 0,6g; Mật ong vừa đủ 5g.		Hoàn mềm	Uống	Việt Nam	1,200
85	Đẳng sâm 0.25, Tô diệp 0.25g, Trần bì 0.25g, Bạch linh 0.25g, Sinh khương 0.2g, Sài hồ 0.2g, Cát căn 0.2g, Mộc hương 0.2g, Chỉ xác 0.15g, Bán hạ 0.15g, Cát cánh 0.15g, Đại táo 0.15g, Cam thảo 0.15g.		Hộp	Uống	Việt Nam	1,200

86	Đảng sâm 6,72g; Thục địa 6,72g; Đường qui 6,72g; Dâm dương hoắc 6,72g; ba kích 6,72g; Cẩu tích 6,72g; Đỗ trọng 6,72g; Bạch linh 5,6g; Bạch truật 5,6g; Bạch thược 5,6g; Xuyên khung 4,48g; Cam thảo 2,24g; Đường trắng 14g; Natri benzoate 0,56g	Tráng dương bổ thận	Chai	Uống	Việt nam	2,000
87	Đảng sâm 15g; Bạch truật 15g; Liên nhục 4g; Cát cánh 12g; Cam thảo 6g; Sa nhân 4g; Trần bì 4g; Bạch linh 10g; mạch nha 10g; Long nhãn 6g; Sủi quân tử 4g; Bán hạ 4g; Đường kính tá được vừa đủ 100ml.	Siro Bổ tỳ P/H	Chai	Uống	Việt nam	4,000
88	Độc hoạt 0,6g; Tang ký sinh 0,4g; Phòng phong 0,4g; Tần giao 0,4g; Tế tân 0,4g; Quế chi 0,4g; Ngưu tất 0,4g; Đỗ trọng 0,4g; Đường quy 0,4g; Bạch thược 0,4g; Cam thảo 0,4g; Xuyên khung 0,4g; Sinh địa 0,4g; Đảng sâm 0,4g; Bạch linh 0,4g;	Độc hoạt tang ký sinh	Gói	Uống	Việt Nam	600,000
89	Đường quy 0,5g; Kim anh 0,3g; hà thủ ô 0,5g; Thông thảo 0,5g; Ích mẫu 0,5g; Kim ngân hoa 0,4g; Ngải diệp 0,5g; Bạch đồng nữ 0,45g; Nhân trần 0,5g; Khiếm thực 0,4g; Mật ong vđ 5g	Ích mẫu hoàn	Viên	Uống	Việt Nam	20,000
90	Đường quy 0.6152g; Bạch linh 0.6152g; Bạch truật 0.6152g; Hoàng kỳ 0.6152g; Đại táo 0.308g; Táo nhân 0.308g; Long nhãn 0.308g; Đảng sâm 0.308g; Viễn chí 0.1536g; Cam thảo 0.0976g; Mộc hương 0.056g; Mật ong Vđ 8g	Quy tỳ an thần hoàn P/H	Hoàn cứng	Uống	Việt nam	40,000
91	Đường quy 20g; Nhân sâm 25g; Thục địa 25g; Chích hoàng kỳ 15g; Bạch phục linh 15g; Xuyên khung 15g; Bạch thược 15 g; Bạch truật 15g; Nhục quế 5g; Cam thảo 6g; Đường trắng 28g; Natri Ben zoat 0,56g; Nước uống Vđ 280ml.		Chai	Uống	Việt Nam	1,200
92	Đường quy 3.5g; Bạch truật 3.5g; Đại hoàng 2.75g; Hoài sơn 3.5g; Hoàng kỳ 3.5g; Kê nội kim 2.75g; Sơn tra 3.5g; Sủi quân tử 3.5g; Địa long 3.5g; Lộc giác xương 3.5g; Cam thảo 1.75g; Bình lăng 3.5g; Đường trắng + nước Vđ 100g.	Siro Bổ tỳ	Chai	Uống	Việt nam	20,000
93	Ngải nhung đặc chế; Hương liệu dược thảo, Tinh dược bí truyền	Nhang ngải cứu	Cây	Dùng ngoài	Việt Nam	4,000
94	Nghệ vàng 30g	Suncurmin	Hộp 100ml	Uống	Việt Nam	4,000
95	Ngưu nhĩ phong 15%, La liễu 5%. Tá được 80%.	Phong liễu tràng vị khang	Gói	Uống	Trung Quốc	100,000



96	Nhân sâm 0,8g; Hải cầu 0,10g; Tắc kè 0,036g; Hải mã 0,042g; Lôc giác da 0,054g; Viễn chí 0,054g; Trạch tả 0,054g; Đổ trọng 0,078g; Câu kỷ tử 0,596g; Cẩu tích 0,188g; Quế nhục 0,006g; Sơn thù 0,036g; Bạch truật 0,054g; Đường quy 0,2		Viên	Uống	Việt Nam	1,200
97	Nhân sâm 50 mg, Tam thất 20mg		Viên	Uống	Việt Nam	1,800
98	Nhân trần 0,4g; Dành dành 0,32g; Phòng phong 0,24g; Sài hồ 0,32g; Đại hoàn 0,24g; Bạch chỉ 0,4g; Kinh giới 0,32g; Kế đầu ngựa 0,4g; Bạch thược 0,32g; tá dược Vd 4g.		Gói	Uống	Việt Nam	12,000
99	Nhân trần 250mg. Hoàng cầm 150mg. Uất kim 250mg. Bình lang 100mg. Chỉ thực 100mg. Hậu phác 100mg. Bạch mao căn 500mg. Mộc hương 100mg. Đại hoàng 50mg. Kim tiền thảo 1000mg.	Bài thạch	Viên	Uống	Việt Nam	120,000
100	Phục thần 0.5g, Cam thảo 0.25g, Thảo quyết minh 0.25g, Lá vông 0.5g, Liên diệp 0.25g, Lạc tiên 0.5g, Tang diệp 0.25g.		Hộp	Uống	Việt Nam	16,000
101	Sài đất 10g, Kim ngân hoa 6.6g, Bồ công anh 6.6g, Kinh giới 5.3g, Thương nhĩ tử 4g, Thổ phục linh 4g, Đường trắng 100g, Acid benzoid 0.56g, Vanilin 0.03g, Dầu chuối 0.03g.		Chai	Uống	Việt Nam	1,600
102	Sinh địa 0.4g, Táo nhân 0.13g, Bá tử nhân 0.13g, Ngũ vị tử 0.068g, Viễn chí 0.068g, Đường quy 0.13g, Đảng sâm 0.13g, Mạch môn 0.13g, Thiên môn 0.13g, Đan sâm 0.068g, Phục thần 0.068g, Huyền sâm 0.068g, cát cánh 0.068g, Tá dược vừa	An thần bổ tâm	Viên	Uống	Việt Nam	600,000
103	Sinh địa 19,6g; Thiên môn 5,6g; Mạch môn 5,6g; Ngũ vị tử 5,6g; Đường qui 5,6g; Táo nhân 5,6g; Bá tử nhân 5,6g; Huyền sâm 2,8g; Đảng sâm 2,8g; Đan sâm 2,8g; Bạch linh 2,8g; Viễn chí 2,8g; Cát cánh 2,8g; Đường trắng 28g; Natri benzoat 0.56g, nước uống vđ 280ml	Thiên vương bổ tâm	Chai	Uống	Việt Nam	2,000
104	Sử quân tử 9g, Mạch nha 9g, Bình lang 9g, nhục đậu khấu 5g, Mộc hương 1g, Hoàng liên 2g, Lục thần khúc 5g, Đường trắng 22g, Natri Benzoat 0.16g, Nước uống. Thể tích 80ml		Chai	Uống	Việt Nam	1,500
105	Cao tân di hoa tương đương 60mg cao khô; Cao xuyên khung tương đương 30mg cao khô; Cao thăng ma tương đương 30mg cao khô; Bột bạch chỉ tương đương 300mg; Bột cam thảo tương đương 50mg; Tá dược Magnesi stearat..... vđ 1viên.	Tỷ viêm nang	Viên	Uống	Việt Nam	200,000

106	Tang ký sinh 15g; Độc hoạt 10g; Xuyên khung 10g; Bạch thược 8g; Đường quy 8g; Thục địa 8g; Ngưu tất 8g; Phòng phong 8g; Đảng sâm 8g; Bạch phục linh 8g; Tần giao 8g; Đỗ trọng 8g; Quế chi 6g; Cam thảo 6g; Tế tân 6g; Đường trắng 28g; Na		Chai	Uống	Việt Nam	1,500
107	Tang phiêu tiêu 1.0g; Thỏ ti tử 0.66g; Ích trí nhân 0.66g; Phá cố chỉ 1.0g; Đảng sâm 1.0g; Ba kích 0.66g		Gói	Uống	Việt Nam	12,000
108	Tế tân 30mg, Tân di hoa 150mg, Cao mộc thông 40mg, Xuyên khung 65 mg, Bối mẫu 35mg, Cao thương dĩ tử 115mg, Cao bồ công anh 12,5mg, tá dược Vđ .	Tỷ tiên phương	Viên	Uống	Việt Nam	200,000
109	Tinh chất cao khô Kim tiền thảo 120mg.	Kim tiền thảo	Viên	Uống	Việt Nam	200,000
110	Toan táo nhân 18mg, Đường quy 18mg, Hoài sơn 15mg, Nhục thung dung 12mg, K tử 12mg, Ngũ vị tử 9mg, Ích trí nhân 9mg, Hồ phách 6mg, Thiên trúc hoàng 6mg, Long cốt 6mg, Tiết xương bồ 6mg, Thiên ma 6mg, Rễ đan sâm 6mg, Nhân sâm 6mg, Trắc bách diệp 6mg.	Kiến não hoàn	Viên	Uống	Trung Quốc	40,000
111	Tỳ bà diệp 16,20g, Cát cánh 1,80g, Bách bộ 2,79g; Tiền hồ 1,80g; Tang bạch bì 1,80g; Thiên môn 2,70g; Bạch linh 1,80g; Cam thảo 0,90g; Hoàng cầm 1,80g; Cineol 18,00mg; Tá dược Vđ 90ml	Thuốc ho trẻ em	Chai	Uống	Việt Nam	24,000
112	Tỳ bà diệp 16,02g, Cát cánh 1,80g, Bách bộ 2,79g; Tiền hồ 1,80g; Tang bạch bì 1,80g; Thiên môn 2,70g; Bạch linh 1,80g; Cam thảo 0,90g; Hoàng cầm 1,80g; Menthol 18,00mg; Cineol 18,00mg; Tá dược Vđ 90ml	Thuốc ho người lớn	Chai	Uống	Việt Nam	4,800
113	Thanh cao 0.545g, Kim ngân hoa 0.273g, Địa liền 0.273g, Tía tô 0.273g, Kinh giới 0.273g, Thích gia đẳng 0.273g, Bạc hà 0.09g, Tá dược vừa đủ.		Viên	Uống	Việt Nam	18,000
114	Thiên niên kiện 0.3g, thổ phục linh 0.4g, phòng kỷ 0.4g, Hy thiêm 0.8g, Hà thủ ô 0.4g, thương nhĩ tử 0.4g, Huyết giác 0.3g, Tá dược vừa đủ.	Rheumapain- f	Viên	Uống	Việt Nam	400,000
115	Hà thủ ô đỏ 30g, Thổ phục linh 30g, Phòng kỷ 30g, Thương nhĩ tử 30g, Hy thiêm 30g, Thiên niên kiện 17g, Đường quy 16.5g, Huyết giác 16.5g, Ethanol 96% 160ml Đường trắng 10g, Natri benzoat 1g, Nước uống được 200ml.		Chai	Uống	Việt Nam	600
116	Thục địa 1,15g, Hoài sơn 0,96g, Sơn thù 0,96g, Phục linh 0,71g, Mẫu đơn bì 0,71g, Trạch tả 0,7g, Mật ong vđ.		Viên	Uống	Việt nam	16,000

117	Thục địa 0.8g, Hoài sơn 0.4g, Sơn thù 0.4g, Đơn bì 0.3g, Trạch tả 0.3g, Phục linh 0.3g, Phụ tử chế 0.05g, Quế 0.05g	Bát vị	Viên	Uống	Việt nam	200,000
118	Thục địa 1,2g; ích mẫu 2,4g; Đường quy 1,2g; Bạch thược 0,3g; Xuyên khung 0,3g; Ngải cứu 1,2g; Hương phụ 1,2g.	Hoàn điều kinh bổ huyết	Viên hoàn	Uống	Việt Nam	8,000
119	Thục địa 1g, Hoài sơn 0.6g; Mẫu đơn bì 0.6g; Bạch phục linh 0.6g; Trạch tả 0.6g; Quế nhục 0.2g; Kỷ tử 0.5g; Đỗ trọng 0.6g; Sà sàng 0.4g; Dâm dương hoắc 0.25g; E kích 0.6g; Liên tu 0.4g; Mật ong Vd 5g.		Viên hoàn	Uống	Việt Nam	6,000
120	Thục địa 240mg; Hoài sơn 120mg; Sơn thù 120mg; Mẫu đơn bì 90mg; Trạch tả 90mg; Phục linh 90mg; Tá dược vừa đủ	Lục vị	Viên	Uống	Việt Nam	200,000
121	Thục địa 1000g, Sơn thù 500mg, Củ mài 500mg, mẫu đơn 400mg, trạch tả 400mg, phục linh 400mg, mạch môn 400mg, thạch hộc 300mg, đỗ trọng 300mg, ngũ tít 300mg, mật ong Vd	Tứ âm bổ thận hoàn	Viên hoàn	Uống	Việt Nam	20,000
122	Thục địa 376,2mg. đường quy 376,2mg. Đảng sâm 250,8mg. Bạch linh 250,8mg. Bạch truật 250,8mg, bạch thược 250,8mg. Xuyên khung 188,1mg. Cam thảo 125,4mg. Tá dược Vd,	Bát trân	Viên	Uống	Việt Nam	200,000
123	Thục địa 96mg; Hoài Sơn 48mg; Sơn thù 48mg; Mẫu đơn bì 36mg; Trạch tả 36mg; Phục linh 36mg; Tá dược vd 1 viên	Bổ thận âm lục vị hoàn	Viên hoàn	Uống	Việt Nam	120,000
124	Thục địa 0.4g; Hoài sơn 0,2g; Sơn thù 0,2g; Phục linh 0,15g; Trạch tả 0.15g; Mẫu đơn bì 0,15g; Cúc hoa 0.1g; Câu kỷ tử 0.1g; Tá dược vừa đủ.	Viên bổ mắt	Viên	Uống	Việt Nam	200,000
125	Thục địa 32g, hoài sơn 16g, sơn thù 16g, mẫu đơn bì 12g, phục linh 12g, trạch tả 12g	Traluvi	Chai	Uống	Việt Nam	8,000
126	Trần bì 20g, Cát cánh 10g, Tử uyển 10g, Thiên môn 4g, Tiền hồ 10g, Tô diệp 10g, Tang bạch bì 4g, Tang diệp 4g, Cam thảo 3g, Ô mai 3g, Khương hoàng 2g, Mentho 0.044g, Natri Benzoat 0.16g, Đường trắng 6.88g, Nước uống vừa đủ.	Ho bổ phế	Chai	Uống	Việt nam	20,000
127	Xuyên khung 130mg, Bạch chỉ 162mg, Hương phụ 132mg, Gừng 15mg, Quế nhục 15mg, Cam thảo bắc 5mg.		Viên	Uống	Việt nam	8,000

128	Xuyên khung 24g; Tần giao 24g; Bạch chỉ 24g; Đương quy 24g; Mạch môn 16g; Hồng sâm 24g; Ngô thù du 16g; Ngũ vị tử 24g; Băng phiến 0.8g; Mật ong 14.4g; Than hoạt tính 0.29g; Sáp ong 0.11g.	Hoa đà tái tạo hoàn	Viên	Uống	Trung Quốc	3,360,000
129	Xuyên tâm liên 2,00g; Bồ công anh 2,00g; Kim ngân hoa 1,60g; Thổ phục linh 1,05g; Đại hoàng 1,00g; Bạch chỉ 0,80g; Kinh giới 0,80g; Phòng phong 0,15g; Liên kiều 0,15g; Xích thược 0,15g; TDVD 1 chai		Viên	Uống	Việt Nam	6,000
130	Cao đặc đan sâm 100mg, Tam thất 70mg.	Đan sâm tam thất	Viên	Uống	Việt nam	40,000
131	Hoàng liên 1.2g, mộc hương 0.3g		Viên	Uống	Việt nam	12,000
132	Đẳng tâm thảo 0,6g, táo nhân 2g, Thảo quyết minh 1,5g, Tâm sen 1,0g, mật ong vừa đủ 10g	Hoàn an thần	Viên	Uống	Việt nam	200,000
133	Nhân sâm 0,05g, Tam thất 0,02g		Viên	Uống	Việt nam	6,000
134	Cúc hoa 0,024g, Hạ khô thảo 0,0125g, Trạch tả 0,04g, Hoài sơn 0,16g, Thục địa 0,125g, Thảo quyết minh 0,05g, Hà thủ ô đỏ 0,04g, Đương qui 0,16g.		Viên nang	Uống	Việt nam	18,000
135	Cortonyl, chai 20ml		Chai	Uống	Việt nam	3,000
136	Dầu nóng Trường sơn, chai 10ml	Dầu nóng	Chai	Dùng ngoài	Việt nam	8,000
137	Húng chanh 45g, núc nác 11.25g, Cineol 0.08g chai 90ml		Chai	Uống	Việt nam	3,600
138	Cao đinh lăng 150mg; Cao bạch quả 5mg	Hoạt huyết dưỡng não	Viên	Uống	Việt nam	18,000
139	Nhân sâm 0,21g, Lộc nhung 0,21g, Đương quy 0,105g, Đỗ trọng 0,105g, Thục địa 0,105g, Phục linh (Poria) : 0,105g, Ngưu tất 0,105g, Xuyên khung 0,105g, Hà thủ ô đỏ 0,105g, Ba kích 0,105g, Nhục thung dung 0,105g, Sơn thù 0,105g, Bạch truật 0,105g, Kim anh 0,105g, Nhục quế 0,105g, Cam thảo 0,105g. tá dược vừa đủ.	Song hảo Đại bổ tinh f	Viên	Uống	Việt nam	8,000
140	Cao khô dược liệu: Bạch linh 432mg, Bạch truật 268mg, Đẳng sâm 250mg, Bán h 216mg, Sa nhân 173mg, Cam thảo 151mg, Trần Bì 147mg, Mộc hương (cao khô) 91mg, Gừng tươi 22mg. Bột mịn dược liệu: Bạch truật 164mg, Mộc Hương 60mg, Trần bì 26 mg. tá dược vừa đủ.	Hương sa lục quân	Viên	Uống	Việt nam	8,000
141	Thục địa 0,8g, Hoài sơn 0,4g, Sơn thù 0,4g, Đơn bì 0,3g, Trạch tả 0,3g, Phục linh 0,3g, tá dược vừa đủ	Lục vị	Viên nang	Uống	Việt nam	6,000
142	Đan sâm 0.675g, tam thất 0.21g, Băng phiến tổng hợp 0.012g	Đan sâm tam thất	Viên nang	Uống	Việt nam	8,000



143	Lạc tiên 100g, Vông nem 60g, Lá dâu 20g, tá dược vừa đủ	Cao lạc tiên	Chai	Uống	Việt nam	500
144	Hy thiêm : 200g, Thiên niên kiện : 10g, Ethanol 900 : 47ml, Đường trắng : 26g, Natri benzoat : 1g, Nước (Aqua) vừa đủ : 200ml	Cao phong thấp	Chai	Uống	Việt nam	1,000
145	Lá trinh nữ hoàng cung 2000mg. Tri mẫu 666mg. Hoàng bá 666mg. Ích mẫu 666mg. Đào nhân 83mg. Trạch tả 830mg.	Tadimax	Viên	Uống	Việt nam	12,000
146	Cao ích hương ngải 500mg	Ích mẫu	Viên	Uống	Việt nam	12,000
147	Tang ký sinh 15.1g Xuyên khung 12.9g. Đỗ trọng 10.9g. Thục địa 8.1g. Phòng phong 8.1g. Bạch phục linh 8.1g. Quế chi 6.2g Tế tân 6.2g. Độc hoạt 14.8g. Bạch thược 10.9g. Đương quy 8.1g. Ngưu tất 8.1g. Đảng sâm 8.1g. Tần giao 8.1g. Cam thảo 6.2g. Đường trắng 28g.Natri benzoat 0.56g, Nước uống vừa đủ 280ml	Cao phong thấp	Chai	Uống	Việt nam	800
148	Bạch thược 0.54g, Hoàng kỳ 0.4g, Phục linh 0.27g, bạch truật 0.81g, Nhân sâm 0.54g, Quế tâm 0.14g, Cam thảo 0.27g, Phụ tử chế 0.27g, Sinh khương 0.2g, Đại táo 0.4g, Phòng kỷ 0.27g, Tế tân 0.27g, Đương quy 0.54g, Phòng phong 0.27g, Xuyên khung 0.27g, tá dược vừa đủ.	Đại bổ trừ phong thấp	Gói	Uống	Việt nam	18,000
149	Hoàng bá 0.84g, Khiếm thực 0.26g, Liên tu 0.26g, Tri mẫu 0.84g, Mẫu lệ 0.17g, Phục linh 0.26g, Sơn thù 0.42g, Viễn chí 0.42g, Tá dược vđ 4g.	Cố tinh hoàn	Gói	Uống	Việt nam	9,000
150	Cao ban long 0.14g, Sa nhân 0.18g, Hoài sơn 0.50g, Thục địa 0.70g, Trữ ma căn 0.55g, Tia tô 0.12g, Hương phụ 0.18g, Tục đoạn 0.35g, Ngải cứu 0.70g, Trần bì 0.18g, Tá dược vđ 4g.	Hoàn an thai	Gói	Uống	Việt nam	12,000
151	Đương qui 0.86g, Hà thủ ô đỏ 0.86g, thông thảo 0.86g, Ích mẫu 0.86g, Ngải cứu 0.86g, Bạch đồng nữ 0.78g, Nhân trần 0.86g, Kim anh 0.52g, Khiếm thực 0.7g, Kim ngân hoa 0.7g, Tá dược vđ 8.64g	Ích mẫu hoàn	nang	Uống	Việt nam	18,000
152	Bồ công anh 1g, Cam thảo 0.68g, Chỉ xác 0.44g, Đào nhân 0.68g, Đơn bì 0.44g, Đương quy 0.68g, Thổ hoàng liên 0.44g, Hồng hoa 0.44g, Hương phụ 0.68g, Linh chi 0.44g, Nguyên hồ 0.44g, Ô dược 0.68g, Sơn tra 1.2g, Xa tiền tử 0.68g, Xích thược 0.44g, Xuyên khung 0.68.tá dược vừa đủ 4g.	Viêm đại tràng hoàn	Gói	Uống	Việt nam	16,000

CÁC PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 2184/QĐ-UBND
ngày 17/2010 của UBND tỉnh Bình Phước)

Phụ lục 1

L- Leucin 18,3mg, L-Isoleucin 5,9mg, L-Lysin HCl 25mg, L-Phenylalanin 5mg, L-Threonin 4,2mg, L-Valin 6,7mg, L-tryptophan 5mg, DL-Methionin 18,4mg, Hydroxyanthranilic acid HCl 0,2mg, Vitamin A 2000UI, Vitamin D2 200UI, Vitamin B1 nitrat 5mg, Viatmin B2 3mg, Nicotinamid 20mg, Vitamin B6 2,5mg, Folic acid 0,2mg, Calci Pantothenat 5mg, Vitamin B12 1mcg, Vitamin C 20mg, Viatmin E 1mg

Phụ lục 2

Standardized G115 Gingseng extract	40mg
2- DimetylAminoethanol hydrogen tactrat	26mg
Vitamin A	4000UI
Vitamin B2	400UI
Vitamin E	10mg
Vitamin B1	2mg
Vitamin B2	2mg
Vitamin B6	1mg
Vitamin B12	1mcg
Calcium pantothenat	10mg
Nicotinamide	15mg
Viatmin C	60mg
Rutin	20mg
Fluorin	0,2mg
Kali	8mg
Đồng	1mg
Mangan	1mg
Sắt	10mg
Kẽm	1mg
Calcium	90,3mg
Lecithin	66mg
Photpho	70mg
Magnesium	10.

Phụ lục 3.

Korean Ginseng Ext	40mg
Aloe Ext	5mg
Lecithin	50mg
Retinol acetat	5000 UI
Ergocalciferol	400 UI
Tocopherol acetat	45 mg
Thiamin nitrat	2 mg
Riboflavin	2 mg
Pyridoxin hydrochlorid	2 mg
Acid ascorbic	60 mg
Nicotinamid	20 mg
Calcium pantothenat	15,3 mg
Cyanocobalamin	6 mcg
Ferrous fumarat	54,76 mg
Copper sulfat	7,86 mg
Magnesium oxid	66,34mg
Zinc oxid	5 mg
Dibasic calcium phosphat	307,5 mg



Mangan sulfat	3 mg
Potassium sulfat	18 mg

Phụ lục 4

Vitamin A 5000UI, Vitamin B1 2mg, Vitamin B2 1,5mg Vitamin B6 2mg, Vitamin B5 4mg, Vitamin C 50mg, Vitamin D 1000UI, Vitamin E 2mg, Vitamin PP 10mg.

Phụ lục 5

- 1./ Vitamin A (Retinol palmitate/acetate 1.000I.U
- 2./ Vitamin D3 (Cholecalciferol) 400IU
- 4./ Vitamin E (Tocopherol acetate) 10mg
- 5./ Vitamin B1 (Thiamine nitrate) 2mg
- 6./ Vitamin B2 (Riboflavin) 6mg
- 7./ Vitamin C (Ascorbic acid) 9mg
- 8./ Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride) 1mg
- 9./ Vitamin PP (Nicotinamide) 15mg
- 10./ Vitamin B5 (Calcium pantothenate) 10mg
- 11./ Iron (Ferrous fumarate) 1,65mg
- 12./ Magnesi (Magnesi oxide) 6mg
- 13./ Zinc (Zinc oxide) 0,8mg
- 14./ Calcium (Calcium dibasicphosphate & calcium pantothenate) 21,42mg

Phụ lục 6

Vitamin A	5.000 IU
Vitamin D3	400IU
Vitamin E	10mg
Vitamin B1	2mg
Vitamin B2	1mg
Viatmin B6	1mg
Vitamin PP	20mg

Phụ lục 10

- 1./ Red Ginseng extract 40mg
- 2./ Vitamin A (Retinol palmitate/acetate 1.000I.U
- 3./ Vitamin D3 (Cholecalciferol) 200IU
- 4./ Vitamin B1 (Thiamine nitrate) 1mg
- 5./ Vitamin B2 (Riboflavin) 1mg
- 6./ Vitamin B5 (Calcium pantothenate) 1mg
- 7./ Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride) 1,34mg
- 8./ Vitamin PP (Nicotinamide) 15mg
- 9./ Calcium (Calcium hydrogen phosphate) 50mg
- 10./Phosphor (Calcium hydrogen phosphate) 38,75mg
- 11./ Potassium (Potassium sulfate) 1mg
- 12./ Copper (Cupric sulfate) 0,01mg
- 13./ Magnesium (Magnesi sulfate) 0,5mg
- 14./ Magnese (Magnesi sulfate) 0,01mg
- 15./ Zine (Zine sulfate) 0,15mg

DANH MỤC VẮC XIN, SINH PHẨM MÔI THẦU

(kèm theo Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh)

STT	Tên vắc xin, sinh phẩm	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
1	ABHAYRAB(Vaccine phòng đại)	An Độ	Lọ 0.5ml	1400	
2	EPAXAL (Vaccine viêm gan A)	Thụy sỹ	Liều	200	
3	Heberbiovac HB (viêm gan B)	Cu Ba	Lọ 1ml	200	
4	Heberbiovac HB (viêm gan B)	Cu Ba	Lọ 0.5ml	200	
5	Hepavac - gen (viêm gan B)	Korea	Lọ 10mcg	700	
6	Hepavac - gen (viêm gan B)	Korea	Lọ 20mcg	700	
7	Hepvax - gene TF(Vaccine Viêm gan B)	Korea	Lọ 1 ml	300	
8	Hepvax - gene TF(Vaccine Viêm ganB)	Korea	Lọ 0.5ml	300	
9	Huyết thanh kháng đại	Việt Nam	Lọ 1ml	200	
10	INFLEXAL V(Vaccine cúm)	Thụy sỹ	Liều	100	
11	JEV - GCC (Vaccine VNNB. B)	Korea	Lọ 1ml	100	
12	Meningo BC (não mô cầu)	Cu Ba	Lọ 0.5ml	240	
13	PAPIVAC (Vaccine Quai Bị)	Czech	Liều 0.5 ml	400	
14	QuiminHIB	Cu Ba	Lọ 0.5ml	400	
15	r- Hbvax (viêm gan B)	Việt Nam	Lọ 20mcg	400	
16	Test thử giang mai	Au - Mỹ	Test	1720	
17	Test thử Morphin - Heroin	Mỹ	Test	2260	
18	Test thử nhanh HIV	Mỹ	Test	14000	
19	Test thử nhanh SXH	Korea	Test	2420	
20	Test thử thai nhanh	Au - Mỹ	Test	1200	
21	Vắc xin phòng sởi	Polyovac	Liều	200	
22	Vắc xin Quai bị	Nga	Lọ 0.5ml	300	
23	Vắc xin Rubella	An độ	Lọ 0.5ml	300	
24	Varicella (vắc xin Thủy đậu)	Korea	Lọ 0.5ml	400	
25	Verorab(Vắc xin đại)	Pháp	Lọ 1ml	700	
26	Viêm não nhật bản B	Việt Nam	lọ 1ml	700	
27	Viêm não nhật bản B	Việt Nam	Lọ 5ml	700	
28	Test thử nhanh HBsAg	Germany	Test	5200	
29	Test thử nhanh HAV	Germany	Test	300	
30	Test thử nhanh HCV	Germany	Test	1100	
31	Test thử nhanh H. Pylori	Germany	Test	600	
32	Test thử nhanh Malaria (Sốt rét)	Germany	Test	300	
33	M.M.R (Sởi-Quai bị- Rubella)	Mỹ	Lọ/1ml	450	
34	PRIORIX (Sởi-Quai bị- Rubella)	Bi	Lọ/1ml	200	
35	TWINRIX (Viêm gan A và B)	Bi	Liều	50	
36	CEVARIX (Ung thư Cổ tử cung)	Bi	Liều	30	
37	TRIVIVAC (Sởi - Quai bị -Rubella)	CEZCH	Liều 0.5 ml	600	
38	TRIVIVAC (Sởi - Quai bị -Rubella)	CEZCH	Liều 1ml	500	
39	SAT (Huyết thanh kháng uốn ván)	Việt Nam	Ong	3000	
40	VAT (Vaccin phòng uốn ván)	Việt Nam	Liều	1400	
41	SAR (huyết thanh kháng đại)	Việt Nam	Lọ 1.000UI	200	
42	HEPABIG(huyết thanh kháng viêm gan B)	Korea	Lọ 1ml	100	